Hệ thống biểu trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Bác Ái
2	Biểu 02/CH	Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước huyện Bác Ái
3	Biểu 05/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bác Ái
4	Biểu 06/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 huyện Bác Ái
5	Biểu 07/CH	Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2025 huyện Bác Ái
6	Biểu 08/CH	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dung năm 2025 huyện Bác Ái
7	Biểu 09/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bác Ái

Biểu 01/CH

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA HUYỆN BÁC ÁI

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính								
				Xã Phước Bình	Xã Phước Tiến	Xã Phước Chính	Xã Phước Hòa	Xã Phước Tân	Xã Phước Thắng	Xã Phước Thành	Xã Phước Đại	Xã Phước Trung
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(…)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	Tổng diện tích đất tự nhiên (1+2+3)		**102.184,65**	**28.829,32**	**7.630,10**	**6.437,60**	**12.498,69**	**6.534,90**	**4.774,15**	**12.122,93**	**11.407,77**	**11.949,19**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**95.941,93**	**28.525,69**	**7.151,33**	**6.074,50**	**11.482,08**	**5.448,16**	**4.520,16**	**11.358,48**	**10.311,34**	**11.070,19**
	Trong đó:											
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.191,99		140,42	208,82	42,40	163,56	145,09	56,22	155,36	280,12
1.2	Đất chuyên trồng lúa	LUC	341,94		140,42	0,78		111,73				89,01
1.3	Đất trồng lúa còn lại	LUK	850,05			208,04	42,40	51,83	145,09	56,22	155,36	191,11
1.4	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	10.102,65	469,85	1.116,60	837,21	251,52	697,50	1.159,49	1.291,58	691,49	3.587,41
1.5	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5.883,91	1.107,72	478,78	400,76	140,35	198,19	346,59	2.017,45	161,87	1.032,20
1.6	Đất rừng phòng hộ	RPH	45.595,52	7.135,67	3.583,66	4.122,37	8.045,64	3.206,57	1.311,67	4.162,69	8.473,18	5.554,07
1.7	Đất rừng đặc dụng	RDD	19.607,67	19.607,67								
1.8	Đất rừng sản xuất	RSX	13.425,37	204,71	1.801,11	501,17	3.002,07	1.182,34	1.524,36	3.828,98	785,20	595,43
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	9.815,26	172,99	983,99	315,69	2.715,54	693,05	1.089,94	3.199,65	268,66	375,75
1.9	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	5,14	0,07	0,14	1,32	0,10		0,72	0,41	2,38	
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	129,68		30,62	2,85			32,24	1,15	41,86	20,96
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**6.142,39**	**282,90**	**467,17**	**360,49**	**1.000,22**	**1.072,63**	**233,21**	**762,67**	**1.093,71**	**869,39**
	Trong đó:											
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	440,42	30,68	62,78	41,06	20,05	57,27	66,05	44,43	77,36	40,74
2.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,06	0,79	0,80	0,26	0,51	0,82	0,36	2,26	6,67	1,59
2.3	Đất quốc phòng	CQP	229,26		47,11	55,55			12,33		1,72	112,55
2.4	Đất an ninh	CAN	532,27		9,08			521,78			1,41	
2.5	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	111,39	7,70	43,02	4,00	16,71	3,66	8,40	4,82	18,77	4,31
	Trong đó:											
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,61	0,22	0,09	0,04	0,07	0,18		0,59	2,65	0,77
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,81	0,22	0,24		0,18	0,54	0,32	3,88	1,25	0,18
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	33,47	3,93	4,40	0,16	3,20	2,69	4,78		12,69	1,62
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	11,28	0,84	1,73	2,76	0,64		3,30		0,27	1,74
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	34,93		34,93							
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	20,29	2,49	1,63	1,04	12,62	0,25		0,35	1,91	

Biểu 01/CH

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA HUYỆN BÁC ÁI

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính								
				Xã Phước Bình	Xã Phước Tiến	Xã Phước Chính	Xã Phước Hòa	Xã Phước Tân	Xã Phước Thắng	Xã Phước Thành	Xã Phước Đại	Xã Phước Trung
2.6	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	218,68		64,28			4,39	4,79	11,33	108,80	25,09
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,37							0,60	1,66	0,11
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	50,98		29,53			4,39	4,79	1,85	6,16	4,26
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	165,33		34,75					8,88	100,98	20,72
2.7	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	3.673,18	34,87	98,25	202,15	916,91	373,34	78,40	642,81	780,06	546,39
	Trong đó:											
-	Đất công trình giao thông	DGT	508,29	21,34	58,87	36,24	50,92	41,37	41,97	63,60	71,12	122,86
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	3.057,49	12,66	37,75	157,05	864,61	306,98	34,84	575,51	703,37	364,72
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	2,63		0,15						2,48	
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	96,02			8,67	0,04	24,41		3,19	1,41	58,30
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,90	0,02	0,04	0,03	0,05		0,16	0,04	0,53	0,03
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	2,52	0,37	0,52		0,39		0,48		0,48	0,28
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	5,33	0,48	0,92	0,16	0,90	0,58	0,95	0,47	0,67	0,20
2.8	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	30,07	1,18	1,59	6,50	6,96		10,10	0,64	1,92	1,18
2.9	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	892,53	207,68	140,26	50,97	39,03	111,37	52,78	56,05	96,97	137,42
2.10	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,53				0,05			0,33	0,03	0,12
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**100,33**	**20,73**	**11,60**	**2,61**	**16,39**	**14,11**	**20,78**	**1,78**	**2,72**	**9,61**

Biểu 02/CH

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA HUYỆN BÁC ÁI

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) =(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*%
	Tổng diện tích tự nhiên		**102.184,65**	**102.184,65**		100,00
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**95.539,53**	**95.941,93**	**402,40**	**100,42**
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.184,44	1.191,99	7,55	100,64
1.2	Đất chuyên trồng lúa	LUC	341,94	341,94		100,00
1.3	Đất trồng lúa còn lại	LUK	842,50	850,05	7,55	100,90
1.4	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	9.799,92	10.102,65	302,73	103,09
1.5	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5.781,50	5.883,91	102,41	101,77
1.6	Đất rừng phòng hộ	RPH	45.540,36	45.595,52	55,16	100,12
1.7	Đất rừng đặc dụng	RDD	19.603,84	19.607,67	3,83	100,02
1.8	Đất rừng sản xuất	RSX	13.224,52	13.425,37	200,85	101,52
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	9.815,26	9.815,26		100,00
1.9	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	5,14	5,14		100,00
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	399,81	129,68	-270,13	32,44
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**6.545,27**	**6.142,39**	**-402,88**	**93,84**
	Trong đó:					
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	460,71	440,42	-20,29	95,60
2.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13,37	14,06	0,69	105,16
2.3	Đất quốc phòng	CQP	251,62	229,26	-22,36	91,11
2.4	Đất an ninh	CAN	535,05	532,27	-2,78	99,48
2.5	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	111,74	111,39	-0,35	99,69
	Trong đó:					
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,72	4,61	-0,11	97,67
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,00	6,81	1,81	136,20
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	38,79	33,47	-5,32	86,29
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	8,52	11,28	2,76	132,39
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	34,93	34,93		100,00
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	19,78	20,29	0,51	102,58
2.6	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	398,28	218,68	-179,60	54,91
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	40,00		-40,00	
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	10,98	2,37	-8,61	21,58
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	63,48	50,98	-12,50	80,31
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	283,82	165,33	-118,49	58,25
2.7	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	3.846,52	3.673,18	-173,34	95,49
	Trong đó:					
-	Đất công trình giao thông	DGT	535,68	508,29	-27,39	94,89

Biểu 02/CH

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA HUYỆN BÁC ÁI

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) =(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*%
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	3.068,41	3.057,49	-10,92	99,64
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	2,63	2,63		100,00
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	231,07	96,02	-135,05	41,55
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,93	0,90	-0,03	96,77
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	2,52	2,52		100,00
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	5,28	5,33	0,05	100,95
2.8	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	34,97	30,07	-4,90	85,99
2.9	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	892,53	892,53		100,00
2.10	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,48	0,53	0,05	110,42
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**99,85**	**100,33**	**0,48**	**100,48**

Nguồn: - Quyết định 758a/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Bác Ái.

- Thống kê đất đai năm 2023 - Phòng TNMT huyện Bác Ái.

- Kết quả tổng hợp thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Biểu 05/CH

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN BÁC ÁI

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp tỉnh phân bổ đến năm 2025	Diện tích cấp huyện xác định bổ sung	Tổng diện tích trong năm kế hoạch 2025	Phân theo đơn vị hành chính								
						Xã Phước Bình	Xã Phước Tiến	Xã Phước Chính	Xã Phước Hòa	Xã Phước Tân	Xã Phước Thắng	Xã Phước Thành	Xã Phước Đại	Xã Phước Trung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)+...+(15)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
I	**Tổng diện tích đất tự nhiên (1+2+3)**				**102.184,65**	**28.829,32**	**7.630,10**	**6.437,60**	**12.498,69**	**6.534,90**	**4.774,15**	**12.122,93**	**11.407,77**	**11.949,19**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**94.992**	**628,63**	**95.620,63**	**28.501,65**	**7.107,57**	**6.071,89**	**11.436,42**	**5.362,32**	**4.519,96**	**11.337,38**	**10.302,12**	**10.981,32**
	Trong đó:													
1.1	Đất trồng lúa	LUA	615	572,27	1.187,27		140,42	208,82	42,27	163,51	145,09	55,13	155,20	276,83
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC	191	148,60	339,60		140,42	0,78	-0,13	111,73			-0,10	86,90
-	Đất trồng lúa còn lại	LUK		847,67	847,67			208,04	42,40	51,78	145,09	55,13	155,30	189,93
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK		9.920,15	9.920,15	446,20	1.113,32	820,69	237,91	692,16	1.137,51	1.283,55	685,30	3.503,51
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	7.815	-2.006,20	5.808,80	1.107,33	418,54	399,40	140,35	198,19	346,59	2.005,73	161,87	1.030,80
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	44.917	629,73	45.546,73	7.135,67	3.583,66	4.122,37	8.013,72	3.191,47	1.311,67	4.162,43	8.471,87	5.553,87
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	19.424	183,67	19.607,67	19.607,67								
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	12.734	579,30	13.313,30	204,71	1.756,26	501,17	3.002,07	1.116,99	1.524,13	3.828,98	783,64	595,35
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	9.118	697,26	9.815,26	172,99	983,99	315,69	2.715,54	693,05	1.089,94	3.199,65	268,66	375,75
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS		5,14	5,14	0,07	0,14	1,32	0,10		0,72	0,41	2,38	
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT		37,28	37,28			15,27			22,01			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH		194,29	194,29		95,23	2,85			32,24	1,15	41,86	20,96
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**7.129**	**-664,86**	**6.464,14**	**306,94**	**510,93**	**363,10**	**1.045,93**	**1.158,47**	**233,81**	**783,77**	**1.102,93**	**958,26**
	Trong đó:													
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	442	0,37	442,37	30,88	63,25	41,21	20,25	57,47	66,39	43,73	78,25	40,94
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	38	-38,00										
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14	-1,27	12,73	0,86	0,80	0,26	0,51	0,82	0,56	1,31	6,02	1,59
2.4	Đất quốc phòng	CQP	252	-0,58	251,42	2,00	47,11	55,55		5,05	12,33	5,25	1,72	122,41
2.5	Đất an ninh	CAN	545	-10,26	534,74	0,20	9,23	0,10	0,12	521,93	0,20	0,95	1,89	0,12
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN		110,89	110,89	7,63	42,80	4,00	16,64	3,66	8,26	4,82	18,77	4,31
	Trong đó:													
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	3	1,54	4,54	0,22	0,09	0,04		0,18		0,59	2,65	0,77
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5	1,74	6,74	0,15	0,24		0,18	0,54	0,32	3,88	1,25	0,18
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào	DGD	41	-7,89	33,11	3,93	4,18	0,16	3,20	2,69	4,64		12,69	1,62
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	16	-4,72	11,28	0,84	1,73	2,76	0,64		3,30		0,27	1,74
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công	DKH		34,93	34,93		34,93							
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSK	21	-0,71	20,29	2,49	1,63	1,04	12,62	0,25		0,35	1,91	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông	CSK		329,28	329,28		104,28	0,01		4,39	4,79	22,76	111,80	81,25
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	40		40,00		40,00							
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	11	-6,19	4,81			0,01				3,03	1,66	0,11
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	64	-0,03	63,97		29,53			4,39	4,79	10,85	9,16	5,25
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng	SKS	1	219,50	220,50		34,75					8,88	100,98	75,89
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC		3.854,68	3.854,68	56,51	100,21	203,50	961,37	453,78	78,40	646,93	785,56	568,42
	Trong đó:													
-	Đất công trình giao thông	DGT	637	-113,90	523,10	22,66	60,77	37,64	53,42	42,71	41,97	67,22	73,62	123,09
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	3.016	57,72	3.073,72	12,66	37,75	157,05	871,74	306,98	34,84	575,51	703,37	373,82
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	3	-0,37	2,63		0,15						2,48	

Biểu 05/CH

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN BÁC ÁI

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp tỉnh phân bổ đến năm 2025	Diện tích cấp huyện xác định bổ sung	Tổng diện tích trong năm kế hoạch 2025	Phân theo đơn vị hành chính								
						Xã Phước Bình	Xã Phước Tiến	Xã Phước Chính	Xã Phước Hòa	Xã Phước Tân	Xã Phước Thắng	Xã Phước Thành	Xã Phước Đại	Xã Phước Trung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)+...+(15)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	668	-421,47	246,53	20,32	0,06	8,67	34,87	103,51		3,69	4,41	71,00
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	1	-0,10	0,90	0,02	0,04	0,03	0,05		0,16	0,04	0,53	0,03
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH		2,52	2,52	0,37	0,52		0,39		0,48		0,48	0,28
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV		5,28	5,28	0,48	0,92	0,11	0,90	0,58	0,95	0,47	0,67	0,20
2.9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	35	-0,03	34,97	1,18	2,99	7,50	7,96		10,10	1,64	1,92	1,68
2.10	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		892,53	892,53	207,68	140,26	50,97	39,03	111,37	52,78	56,05	96,97	137,42
2.11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		0,53	0,53				0,05			0,33	0,03	0,12
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**63**	**36,88**	**99,88**	**20,73**	**11,60**	**2,61**	**16,34**	**14,11**	**20,38**	**1,78**	**2,72**	**9,61**

Biểu 06/CH

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN BÁC ÁI

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính								
				Xã Phước Bình	Xã Phước Tiến	Xã Phước Chính	Xã Phước Hòa	Xã Phước Tân	Xã Phước Thắng	Xã Phước Thành	Xã Phước Đại	Xã Phước Trung
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp**	**NNP/PNN**	**321,30**	**24,04**	**43,76**	**2,61**	**45,66**	**85,84**	**0,20**	**21,10**	**9,22**	**88,87**
	Trong đó:											
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	3,73				0,13	0,05		0,10	0,16	3,29
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	145,38	23,65	2,85	1,61	13,61	5,34	0,20	8,03	6,19	83,90
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	56,00	0,39	40,50	1,00				12,71		1,40
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	48,79				31,92	15,10		0,26	1,31	0,20
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	67,40		0,41			65,35			1,56	0,08
2	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**		**45,66**		44,44				0,23	0,99		
	Trong đó:											
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	0,99							0,99		
2.2	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	44,67		44,44				0,23			
3	**Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn**		**37,28**			**15,27**			**22,01**			
4	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp**		**1,39**		**0,22**				**0,14**	**0,38**	**0,65**	
4.1	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,01		0,22				0,14		0,65	
4.2	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp		0,38							0,38		

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất chăn nuôi tập trung, đất làm muối và đất nông nghiệp khác

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

Biểu 07/CH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM KẾ HOẠCH 2025 CỦA HUYỆN BÁC ÁI

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm (thu hồi đất, CMĐ SD đất)					Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ đầu tư
				Diện tích (ha)	*Chuyển từ các loại đất*							
					LUA	*RDD*	*RPH*	*Đất khác*				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
A. Các công trình, dự án chưa thực hiện xong trong năm 2024 và chuyển tiếp sang năm 2025												
I. Các công trình, dự án đang thực hiện nhưng chưa hoàn thành (đang kiểm đếm, đo đạc hoặc đang thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất,...) và chuyển tiếp sang năm 2025												
1	Trụ sở công an xã Phước Đại	0,24		0,24				0,24	Phước Đại	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 21 tờ 38	Ban QLDA và ĐTXD huyện
2	Trụ sở công an xã Phước Thành	0,17		0,17				0,17	Phước Thành	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	chưa đo đạc BDDC	Công an tỉnh
3	Trụ sở công an xã Phước Chính	0,10		0,10				0,10	Phước Chính	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 01 tờ 38	Ban QLDA và ĐTXD huyện
4	Trụ sở công an xã Phước Trung	0,12		0,12				0,12	Phước Trung	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 50, 46, 38 tờ 49	Ban QLDA và ĐTXD huyện
5	Trụ sở công an xã Phước Thắng	0,20		0,20				0,20	Phước Thắng	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 23 tờ 10	Ban QLDA và ĐTXD huyện
6	Trụ sở công an xã Phước Tân	0,15		0,15				0,15	Phước Tân	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	cạnh bên UBND xã, chưa đo đạc BDDC	Ban QLDA và ĐTXD huyện
7	Trụ sở công an xã Phước Tiến	0,15		0,15				0,15	Phước Tiến	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 86 tờ 79	Ban QLDA và ĐTXD huyện
8	Trụ sở công an xã Phước Hòa	0,12		0,12				0,12	Phước Hòa	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 53 tờ 16, thửa 02 tờ 17	Công an tỉnh
9	Trụ sở công an xã Phước Bình	0,20		0,20				0,20	Phước Bình	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	Thửa 68, 70 tờ bản đồ 71	Ban QLDA và ĐTXD huyện
10	Tiểu dự án Phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn – Phước Nhơn	15,30	15,20	0,10	0,10				Xã Phước Trung	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024 Văn bản đăng ký nhu cầu số 1306/BQLDANNPTNT-DA2 ngày 02/10/2024 của Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	tờ 80, 72, 71, 13, 79, 90, 69…	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNN tỉnh
11	Đường cao tốc Bắc Nam	42,42	42,19	0,23	0,01			0,22	xã Phước Trung	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện đăng ký thu hồi bổ sung 0,23 ha trong năm 2025 (trong đó có 0,01 ha đất trồng lúa)	tờ 86, 77, 78, 69, 70, 13, 14, 71, 72, 64, 73…	TT PTQĐ huyện
12	Đường giao thông xã Phước Đại	0,50		0,50	0,10			0,40	Phước Đại	Điều chỉnh tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh: Điều chỉnh đất lúa 0,03ha, đất khác 0,47ha thành đất lúa 0,10ha (tăng 0,07ha), đất khác từ 0,40 (giảm 0,07ha) theo kết quả đo đạc thực tế.	thửa 51, 54 tờ 30; thửa 108 tờ 05; thửa 56 tờ 11…	Ban QLDA & ĐTXD huyện
13	Đường giao thông xã Phước Tiến	0,60		0,60				0,60	Xã Phước Tiến	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê số 442, 479, 473…	Ban QLDA & ĐTXD huyện
14	Đường giao thông xã Phước Thành	3,00		3,00				3,00	Xã Phước Thành	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	thửa 05, 07 tờ 41; thửa 66 tờ 11; thửa 02, 09, 15, 19... tờ 17; tờ 22, 26, 27, 28, 34…	Ban QLDA & ĐTXD huyện

Biểu 07/CH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM KẾ HOẠCH 2025 CỦA HUYỆN BÁC ÁI

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm (thu hồi đất, CMĐ SD đất)					Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ đầu tư
				Diện tích (ha)	*Chuyển từ các loại đất*							
					LUA	*RDD*	*RPH*	*Đất khác*				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
15	Đường dọc kênh Nam và kênh Nam Suối Gió (đoạn 2)	1,40		1,40				1,40	xã Phước Chính	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê số 763, 698, 466 các tờ bản đồ số 24, 25, 26, 28…	Ban QLDA & ĐTXD huyện
16	Đường giao thông đi KSX cánh đồng Chà Panh xã Phước Hòa	2,50		2,50				2,50	xã Phước Hòa	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	thửa 17, 629... tờ 07	Ban QLDA & ĐTXD huyện
17	Đường dây 500kv nhiệt điện Vân phong - Vĩnh Tân đi qua huyện Bác Ái	38,90	35,90	3,00			1,31	1,69	Xã Phước Đại, Phước Chính, Phước Thành, Phước Trung	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	tờ 02, 03, 10, 11, 12… xã Phước Thành tờ 10, 13, 12, 15… xã Phước Đại	Ban QLDA các công trình điện Miền Trung
18	Dự án Hệ thống chuyển nước Tân Mỹ - Hồ Bà Râu- Hồ Sông Trâu (Hệ thống dẫn nước khu tưới hồ sông Cái)	28,70		15,00	0,13			14,87	xã Phước Hòa	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024 (Tổng diện tích dự án là 28,7 ha, trong năm 2024 thực hiện thu hồi 15 ha)	tờ 02, 03, 04, 05...	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNN tỉnh
19	Dự án: Đầu tư hoàn chỉnh kênh đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc hệ thống thủy lợi Sông Cái - Tân Mỹ	15,46		15,46	2,00			13,46	Phước Trung	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024 Văn bản đăng ký nhu cầu số 767/BQLDANNPTNT-DA2 ngày 16/8/2023 của Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	tờ 11,12,13 ,63,64,68,69, 115…	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNN tỉnh
20	Nhà máy điện mặt trời Thiên Tân Solar Ninh Thuận	70,00	57,30	12,70	1,18			11,52	Xã Phước Trung	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	Tờ 79 thửa 137, 51, 158, 160, 45, 52, 129, 49, 58, 130, 56, 57, 60, 65, 64, 59, 63, 68, 69, 70, 71, 77, 79, 1p thửa 80, 1p thửa 91 tờ 88 thửa 74, 9; tờ 78 thửa 163, 164,…	Công ty CP Thiên Tân Solar Ninh Thuận
21	Cụm Công nghiệp Phước Tiến	40,00		40,00				40,00	xã Phước Tiến	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê số 262, 406, 662…	Công ty TNHH Trường Hỷ Toàn Cầu
22	Tuyến đường dây 22kV cấp điện thi công - Dự án Nhà máy thủy điện tích năng Bác Ái (BAP)	0,36		0,36	0,05		0,28	0,03	Xã Phước Tân, Phước Tiến	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024 BQLDA Điện 3 có Công văn số 515/EVNPMB3-BT về việc điều chỉnh diện tích đất hạng mục Đường dây 22kV cấp điện thi công - Dự án Nhà máy thủy điện tích năng Bác Ái (BAP), cập nhật vào QH SDĐ đến năm 2030, KH SDĐ 2023 huyện Bác Ái, trong đó có nội dung: Điều chỉnh diện tích 0,24 ha từ danh mục Dự án thủy điện tích năng Bác Ái (tổng diện tích là 118,15 ha) sang Đường dây 22kV cấp điện thi công thủy điện tích năng Bác Ái	khoanh đất kiểm kê số 186, 776…	Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Biểu 07/CH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM KẾ HOẠCH 2025 CỦA HUYỆN BÁC ÁI

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm (thu hồi đất, CMĐ SD đất)					Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ đầu tư
				Diện tích (ha)	*Chuyển từ các loại đất*							
					LUA	*RDD*	*RPH*	*Đất khác*				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
23	Dự án thủy điện tích năng Bác Ái và công trình phụ trợ	112,77	24,59	88,18			46,08	42,10	Xã Phước Hòa, Phước Tân	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê số 533, 537, 132…	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
24	Làm mới trục đường khu trung tâm hành chính (Đường D2)	1,00		1,00	0,02			0,98	Xã Phước Thành	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	thửa 67 tờ 22, thửa 15 tờ 48…	UBND xã Phước Thành
25	Đường nội đồng kẹp kênh Gia Ngheo (đường DDND13-ĐnĐ 14) xã Phước Bình	1,32		1,32				1,32	xã Phước Bình	CV số 84/CV-BQL ngày 28/8/2023 của Ban QLDA ĐTXD huyện Bác Ái NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	tờ bản đồ số 27	Ban QLDA & ĐTXD huyện
26	Đường dây 220kV Nha Trang - Tháp Chàm	2,00	1,50	0,50			0,26	0,24	Xã Phước Thành	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024		Ban QLDA các công trình điện Miền Trung
27	Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo	22,01		22,01				22,01	xã Phước Thắng	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 45/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận Quyết định chấp thuận nhà đầu tư số 416/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận	Vùng chưa đo	Công ty CP Công nghệ xanh Ninh Thuận
28	Mỏ vật liệu đất san lấp xã Phước Trung	37,60	11,83	25,77				25,77	Xã Phước Trung	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 643/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (cấp lần đầu) Giấy phép khai thác khoáng sản số 04/GP-UBND ngày 19/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 v/v cho Công ty Cổ phần Gia Việt thuê đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng khai thác mỏ vật liệu san lấp núi Nai, xã Phước Trung, huyện Bác Ái diện tích 11,83 ha	tờ 51, 61	Công ty CP Gia Việt
29	Dự án trồng dưa lưới theo tiêu chuẩn VietGAP kết hợp trồng cây dược liệu	24,98		24,98				24,98	Xã Phước Tiến	Quyết định chủ trương 1345/QĐ-UBND (T) ngày 22/8/2019	khoanh đất kiểm kê số 1229	Công ty TNHH dược liệu Phước Điền
30	Nhà máy cống bê tông rung ép và cát nhân tạo	0,99	0,73	0,99				0,99	Xã Phước Trung	Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH GVB thuê đất thực hiện dự án Nhà máy cống bê tông và cát nhân tạo tại xã Phước Trung, huyện Bác Ái với diện tích 0,73 ha	tờ 51	Công ty TNHH GVB
31	Trang trại chăn nuôi heo thịt	15,27		15,27				15,27	Phước Chính	Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	khoanh đất kiểm kê số 309	Công ty Thanh Ngân
32	Khai thác đất san lấp (thuộc khu khai thác 30 ha tại Phước Trung)	14,80		14,80				14,80	Xã Phước Trung	Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp nhận nhà đầu tư số 652/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận với diện tích khoảng 14,8 ha	tờ 67, 68, 77, 76	Công ty TNHH MTV khai thác và xây dựng 737
33	Khai thác đất san lấp (thuộc khu khai thác 30 ha tại Phước Trung)	14,60	5,14	9,46				9,46	Xã Phước Trung	Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp nhận nhà đầu tư số 181/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận với diện tích khoảng 14,6 ha	tờ 67, 68, 77, 76	Công ty TNHH đầu tư Vạn Phú Thịnh
34	Dự án Trồng cây dược liệu công nghệ cao và chuyển giao công nghệ nuôi trồng dược liệu	27,90		27,90				27,90	xã Phước Tiến	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 362/QĐ_UBND ngày 30/6/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận	khoanh đất kiểm kê số 186	Công ty CP Ninh Thuận Botanical

Biểu 07/CH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM KẾ HOẠCH 2025 CỦA HUYỆN BÁC ÁI

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm (thu hồi đất, CMĐ SD đất)					Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ đầu tư
				Diện tích (ha)	*Chuyển từ các loại đất*							
					LUA	*RDD*	*RPH*	*Đất khác*				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
35	Trạm trung chuyển gia súc, gia cầm	1,93		1,93				1,93	Xã Phước Thành	Đã xây dựng, đăng ký thực hiện thủ tục đất đai	Tờ 11 thửa 20, 23, 25	hộ gia đình, cá nhân
36	Cơ sở giới thiệu sản phẩm Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ tổng hợp Phước Chính	0,012		0,012				0,012	xã Phước Chính	Vốn tỉnh hỗ trợ Hợp tác xã, vốn đối ứng của Hợp tác và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác	thửa 85, tờ 35	UBND xã Phước Chính
37	Giao đất công trình: Chốt kiểm soát phương tiện vận chuyển vật liệu trái phép	0,12	0,12						xã Phước Trung	NQ số 58/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 09/12/2022 thu hồi đất năm 2023	tờ 96; thửa 5, 6	Ban QLDA & ĐTXD huyện
38	Giao đất dự án: Trường mầm non xã Phước Đại	0,22	0,22						xã Phước Đại	Xây mới trường mầm non Tà Lú 2	tờ 43, thửa 7, 10, 19, 92, 93	Ban QLDA & ĐTXD huyện
39	Dự án phát triển cây dược liệu, cây ăn quả chất lượng cao	59,64	59,64						Phước Tiến	Văn bản số 09-NINATECH ngày 09/10/2023 về việc đăng ký nhu cầu năm 2024 Dự án đã có quyết định cho thuê đất trồng cây lâu năm, đăng ký để chuyển sang đất nông nghiệp khác đối với phần diện tích loại đất nông nghiệp khác phù hợp quy hoạch sử dụng đất năm 2030	khoanh đất 1162	Công ty CP ĐT&PT NNCNC Ninh Thuận
40	Giao đất công trình: Cải tại nâng cấp tiết diện đường dây 100kv Đa Nhim - trạm 220 kV Tháp Chàm	0,136	0,136						xã Phước Trung	NQ số 58/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 09/12/2022 thu hồi đất năm 2023		Tổng công ty điện lực Miền Nam
41	Đấu giá quyền sử dụng đất ở Trụ sở làm việc Khối đoàn thể huyện cũ nhà làm việc của các phòng: dân tộc, Thanh tra, Tư pháp, Hội chữ thập đỏ, Hội Đông y	0,65		0,65				0,65	xã Phước Đại	Đề án giải pháp tăng thu từ nguồn lực đất đai trên địa bàn huyện Bác Ái giai đoạn 2020-2025	tờ 38	TT PTQĐ huyện
42	Đấu giá quyền sử dụng đất ở điểm trường MG thôn Mã Tiền	0,20		0,20				0,20	xã Phước Tiến	Quyết định số 1544/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 07/11/2022 (theo bản đồ địa chính đo đạc cũ diện tích là 1.800 m2, tuy nhiên sau khi đo đạc thực tế lại diện tích thay đổi là 1.988,8 m2	tờ 94 thửa 70	TT PTQĐ huyện
43	Đấu giá quyền sử dụng đất ở nhà công vụ trường THCS Ngô Quyền	0,04		0,04				0,04	Xã Phước Tiến	Đề án giải pháp tăng thu từ nguồn lực đất đai trên địa bàn huyện Bác Ái giai đoạn 2020-2025	tờ 80 thửa 29	TT PTQĐ huyện
44	Đấu giá quyền sử dụng đất ở điểm trường tiểu học Phước Thắng (Ma Oai)	0,14		0,14				0,14	xã Phước Thắng	Quyết định số 1544/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 07/11/2022	tờ 26 thửa 79	TT PTQĐ huyện
45	Giao đất cho hộ dân (bị thu hồi dự án Đường dây 500kv nhiệt điện Vân phong - Vĩnh Tân đi qua huyện Bác Ái)	0,16		0,16				0,16	Phước Đại	Đăng ký để thực hiện thủ tục đất đai giao đất cho 04 hộ	thửa 61 tờ 35	UBND huyện
46	Nhà làm việc của khối đoàn thể	0,07		0,07				0,07	Phước Bình	Sử dụng đất trạm y tế cũ, không thu hồi đất	Thửa đất số 28, tờ bản đồ 72	UBND xã Phước Bình
47	Giao đất khu TĐC thôn Tà Lọt, xã Phước Hòa	3,87	1,10						xã Phước Hòa	QĐ số 239/QĐ-UBND của UBND huyện Bác Ái ngày 19/2/2020 về việc phê duyệt quy hoạch phân lô chi tiết khu tái định cư thôn Tà Lọt, xã Phước Hòa	tờ 11, 12, 14, 15,…	UBND xã Phước Hòa
48	Giao đất công trình: Xây dựng Trung tâm văn hóa, thể thao xã Phước Thành	0,46							Xã Phước Thành	NQ số 58/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 09/12/2022 thu hồi đất năm 2023	Thửa 25, 28, 29, 21 tờ 21	UBND Xã Phước Thành

Biểu 07/CH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM KẾ HOẠCH 2025 CỦA HUYỆN BÁC ÁI

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm (thu hồi đất, CMĐ SD đất)					Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ đầu tư
				Diện tích (ha)	*Chuyển từ các loại đất*							
					LUA	*RDD*	*RPH*	*Đất khác*				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
49	Giao đất ở (72 hộ) xã Phước Thắng	5,10	2,00						Xã Phước Thắng	Thông báo số 306/TB-UBND của UBND huyện Bác Ái ngày 12/9/2019 Đăng ký để thực hiện thủ tục đất đai	Tờ 23, 26, 28	UBND xã Phước Thắng
50	Chợ Phước Trung	0,30							xã Phước Trung	Đã san mặt bằng, không thu hồi đất, đăng ký để thực hiện xây dựng và thủ tục đất đai còn lại	tờ 49, thửa 42	UBND xã Phước Trung
51	Đất lâm nghiệp đưa ra ngoài lâm nghiệp giao về địa phương để lập kế hoạch sử dụng đất	1.346,25							Các xã	*Quyết định 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2025*		UBND xã
52	Đất lâm nghiệp đưa ra ngoài lâm nghiệp giao về địa phương để lập kế hoạch sử dụng đất	2.221,34							Các xã	*Quyết định 276/QĐ-UBND đã thực hiện bàn giao cho địa phương (bàn giao đợt 1)*		UBND xã
53	Đường giao thông liên xã Phước Đại đi Phước Tân	12,98	12,98						Phước Đại, Phước Thắng, Phước Tiến, Phước Tân	*Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh về chuyển mục đích đất rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án* *Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án* *Đăng ký kế hoạch để tiếp tục hoàn thiện thủ tục đất đai*	tờ 07 xã Phước Đại khoanh đất kiểm kê số 260,…	Ban QLDA & ĐTXD huyện
II. Các công trình, dự án chưa thực hiện và chuyển tiếp sang năm 2025												
1	Cơ sở 2 Trạm KSGT 1/27	0,78		0,78				0,78	Xã Phước Thành	Vị trí sử dụng trước đây là cơ sở của Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Sắt, đăng ký để thực hiện thủ tục đất đai	Tờ 14, thửa 16	Công an tỉnh
2	Mở rộng công an huyện Bác Ái	0,50		0,50				0,50	Phước Đại	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 28,30,39... tờ 39	Công an tỉnh
3	Đất quốc phòng	9,86		9,86				9,86	Phước Trung	Báo cáo số 667/BC-BCH của BCH quân sự huyện Bác Ái ngày 20/9/2021	thửa 9,12,17...tờ 41; khoanh đất 431	Ban CHQS huyện Bác Ái
4	Đất quốc phòng	5,25		5,25				5,25	Phước Thành	Báo cáo số 667/BC-BCH của BCH quân sự huyện Bác Ái ngày 20/9/2022	Tờ 27 thửa 79, 162, 163, 214, 255, 183, 54 và vùng chưa đo.	Ban CHQS huyện Bác Ái
5	Đất quốc phòng	5,25		5,25				5,25	Phước Tân	Báo cáo số 667/BC-BCH của BCH quân sự huyện Bác Ái ngày 20/9/2023	khoanh đất kiểm kê số 262, 406, 662	Ban CHQS huyện Bác Ái
6	Đất quốc phòng	2,00		2,00				2,00	Phước Bình	Báo cáo số 667/BC-BCH của BCH quân sự huyện Bác Ái ngày 20/9/2024	Tờ 18 thửa 12, 13, 8; Tờ 25 thửa 3	Ban CHQS huyện Bác Ái
7	Đường nội đồng ra khu vực sản xuất Suối Lưỡi Mẫu đi ra QL 27B, xã Phước Tân - Phước Tiến	2,64		2,64				2,64	xã Phước Tiến, Phước Tân	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê số 681, 616, 109, 707…	Ban QLDA & ĐTXD huyện
8	Nhà máy thủy điện Phước Hòa	63,15		63,15			0,82	62,33	Xã Phước Hòa, Phước Bình	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024 Công văn số 247/2023/CV/ĐT-TC ngày 26/9/2023 của công ty TNHH TM và XD Trung Chính v/v đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê số 1071, 1072, 1107…	Công ty TNHH TM và XD Trung Chính
9	Xây dựng khu nghĩa trang xã Phước Chính	2,00		2,00				2,00	Phước Chính	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê 790	UBND xã Phước Chính

Biểu 07/CH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM KẾ HOẠCH 2025 CỦA HUYỆN BÁC ÁI

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm (thu hồi đất, CMĐ SD đất)					Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ đầu tư
				Diện tích (ha)	*Chuyển từ các loại đất*							
					LUA	*RDD*	*RPH*	*Đất khác*				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
10	Xây dựng nghĩa trang xã Phước Hòa	2,00		2,00				2,00	Xã Phước Hòa	Nghị quyết số 229/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND huyện NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	thửa 77 tờ 05	UBND xã Phước Hòa
11	Nghĩa trang xã Phước Thành	3,00		3,00				3,00	Phước Thành	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê 352	UBND xã Phước Thành
12	Xây mới trụ sở UBND xã Phước Thắng	0,20		0,20				0,20	xã Phước Thắng	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	Tờ 10, thửa 23	UBND xã Phước Thắng
13	Nghĩa trang xã Phước Đại	5,00		5,00				5,00	xã Phước Đại	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê 1118	Kêu gọi đầu tư
14	Nâng cấp, cải tạo khu nghĩa trang, nghĩa địa thôn Mã Tiền, xã Phước Tiến	2,28		2,28				2,28	Phước Tiến	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê 186	UBND xã Phước Tiến
15	Dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phước Bình, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận cải thiện sinh kế của người dân	0,15		0,15				0,15	Phước Bình	CV số 774/BXDNL-KT ngày 27/7/2023 của Ban XD năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước v/v đăng ký danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024 Đăng ký để hoàn thành thủ tục đất đai. NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024		Ban XD năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước tỉnh Ninh Thuận
16	Nâng cấp, cải tạo nghĩa trang thôn Tham Dú - Đồng Dày xã Phước Trung	2,00		2,00				2,00	xã Phước Trung	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	thửa 35, 77 tờ 60	UBND xã Phước Trung
17	Nhà máy sản xuất gạch tuynel Bác Ái	15,40		15,40				15,40	xã Phước Thành	Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận v/v quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc chấp thuận điều chỉnh (lần 2) chủ trương đầu tư dự án "Nhà máy sản xuất gạch tuynel Bắc Ái". Văn bản số 06/TTr-XDBA ngày 18/9/2024 của Công ty CP xây dựng Bắc Ái về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung nhu cầu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025	Tờ 21	Công ty cổ phần xây dựng Bắc Ái
18	Bến xe huyện Bác Ái	2,00		2,00				0,00	xã Phước Đại		tờ 15, thửa 100, tờ 16, thửa 183, 189, 193, 195	Kêu gọi đầu tư
19	Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Ninh Thuận	7,25		7,25				7,25	Phước Tân, Phước Thắng, Phước Thành, Phước Trung			Sở Nông nghiệp & PTNT
20	Vùng trồng cây dược liệu quý huyện Bác Ái	381,68							Phước Bình, Phước Hòa, Phước Tân, Phước Tiến	Khoanh vùng các khu vực trồng cây dược liệu để thu hút đầu tư đảm bảo phù hợp loại đất theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bác Ái đã được phê duyệt	tờ 36, 44, 30, 31,… xã Phước Bình tờ 04, 05,… xã Phước Hòa khoanh đất kiểm kê 186,…	Kêu gọi đầu tư

Biểu 07/CH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM KẾ HOẠCH 2025 CỦA HUYỆN BÁC ÁI

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm (thu hồi đất, CMĐ SD đất)					Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ đầu tư
				Diện tích (ha)	*Chuyển từ các loại đất*							
					LUA	*RDD*	*RPH*	*Đất khác*				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
21	Nhà máy sơ chế, chế biến dược liệu Bác Ái	6,00		6,00				6,00	xã Phước Đại	Vị trí nằm trong điểm tiểu thủ công nghiệp	thửa 100 tờ 15	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện
22	Đấu giá quyền sử dụng đất ở lô số 57 KDC mã Tiền	0,05		0,05				0,05	xã Phước Tiến	CV số 582/CV-UBND của UBND huyện Bác Ái ngày 30/3/2021 v/v triển khai thực hiện thủ tục bán đấu giá QSDĐ lô số 57 thôn Mã Tiền	thửa 41 tờ 94	TT PTQĐ huyện
23	Cho thuê đất bãi vật liệu cũ lòng hồ Tân Mỹ làm đất nông nghiệp khác	1,58		1,58				1,58	xã Phước Tiến	Đề án giải pháp tăng thu từ nguồn lực đất đai trên địa bàn huyện Bác Ái giai đoạn 2020-2025	khoanh đất kiểm kê số 1377	TT PTQĐ huyện
24	Cho thuê đất bãi vật liệu cũ lòng hồ Tân Mỹ làm thương mại dịch vụ	2,20		2,20				2,20	xã Phước Tiến	Đề án giải pháp tăng thu từ nguồn lực đất đai trên địa bàn huyện Bác Ái giai đoạn 2020-2025	khoanh đất kiểm kê số 1377	TT PTQĐ huyện
25	Giao đất nông nghiệp Phước Thắng (gồm 60 ha giao đất khai hoang theo công văn 3111/STNMT-ĐĐ và 33,67 ha nguồn gốc là đất hoán đổi của công ty Vila)	93,67							Xã Phước Thắng	Kết luận số 4483/KL - UBND ngày 20/9/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận về quản lý và sử dụng đất trên địa bàn Bác Ái CV số 3111/STNMT-ĐĐ ngày 28/6/2023 của Sở TNMT tỉnh Ninh Thuận Về việc xử lý kiến nghị của Ủy ban nhân dân huyện Bác Ái (gồm 03 dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023: Cho thuê đất sản xuất nông nghiệp 25 ha; giao đất SXNN 20 ha và giao đất NN Phước Thắng 33,67 ha)	khoanh đất kiểm kê số 85, 135, 173, 153, 86	UBND xã Phước Thắng

Biểu 08/CH

KẾ HOẠCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN BÁC ÁI

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính								
				Xã Phước Bình	Xã Phước Tiến	Xã Phước Chính	Xã Phước Hòa	Xã Phước Tân	Xã Phước Thắng	Xã Phước Thành	Xã Phước Đại	Xã Phước Trung
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(…)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**										
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**0,45**				**0,05**		**0,40**			
	Trong đó:											
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,20						0,20			
2.2	Đất an ninh	CAN	0,25				0,05		0,20			

Biểu 09/KH

CHU CHUYỂN ĐẤT ĐAI TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN BẮC ÁI

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đầu kỳ năm 2024	Chu chuyển đất đai đến năm 2025																																				Cộng giảm	Biến động tăng, giảm (-)	Diện tích cuối kỳ năm 2025
				NNP	LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RDD	RSX	RSN	NTS	CNT	NKH	PNN	ONT	TSC	CQP	CAN	DSN	DVH	DYT	DGD	DTT	DKH	DSK	CSK	SKN	TMD	SKC	SKS	CCC	DGT	DTL	DDD	DNL	DBV	DCH	DKV	NTD	MNC	PNK	CSD			
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		**102.184,65**																																									**102.184,65**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**95.941,93**	**95.620,63**													**321,30**	**3,23**		**22,16**	**0,62**								**110,22**	**40,00**	**2,44**	**12,61**	**55,17**	**180,17**	**13,43**	**16,23**		**150,51**				**4,90**				**321,30**	**-321,30**	**95.620,63**
	Trong đó:																																													
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.191,99		######				0,99								3,73	0,14															3,59	0,13	2,23		1,23								4,72	-4,72	1.187,27
1.2	Đất chuyên trồng lúa	LUC	341,94			339,60											2,34																2,34	0,11	2,23										2,34	-2,34	339,60
1.3	Đất trồng lúa còn lại	LUK	850,05				847,67		0,99								1,39	0,14																1,25	0,02			1,23								2,38	-2,38	847,67
1.4	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	10.102,65					9.920,15	0,43						36,69		145,38	2,61		11,77	0,42								61,61		0,51	7,61	53,49	65,97	11,59	14,00		40,38				3,00				182,50	-182,50	9.920,15
1.5	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5.883,91						######						0,36	47,61	56,00	0,48		5,34	0,20								48,33	40,00	1,93	5,00	1,40	0,15	0,15						1,50				103,97	-75,11	5.808,80
1.6	Đất rừng phòng hộ	RPH	45.595,52							#######							48,79												0,20				0,20	48,59				48,59								48,79	-48,79	45.546,73
1.7	Đất rừng đặc dụng	RDD	19.607,67								#######																																				19.607,67
1.8	Đất rừng sản xuất	RSX	13.425,37						27,44			13.313,30			0,23	17,00	67,40			5,05								0,08				0,08	61,87	1,56			60,31				0,40				112,07	-112,07	13.313,30
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	9.815,26										9.815,26																																	9.815,26
1.9	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	5,14											5,14																																5,14
1.10	Đất chăn nuôi tập trung	CNT																																												37,28	37,28
1.11	Đất nông nghiệp khác	NKH	129,68													129,68																														64,61	194,29
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**6.142,39**														######																														**321,75**	**6.464,14**
	Trong đó:																																													
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	440,42															438,13			0,53													1,76	1,76										2,29	1,95	442,37
2.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,06															0,65	12,46		0,95																								1,60	-1,33	12,73
2.3	Đất quốc phòng	CQP	229,26																	229,26																											22,16	251,42
2.4	Đất an ninh	CAN	532,27																		532,27																											2,47	534,74
2.5	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	111,39															0,36	0,07		0,07	110,89																								0,50	-0,50	110,89
	Trong đó:																																														
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,61																		0,07		4,54																								0,07	-0,07	4,54
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,81																0,07					6,74																						0,07	-0,07	6,74
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	33,47															0,36							33,11																					0,36	-0,36	33,11
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	11,28																							11,28																						11,28
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	34,93																								34,93																					34,93
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	20,29																									20,29																					20,29
2.6	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	218,68																										218,68																				110,60	329,28
-	Đất cụm công nghiệp	SKN																																													40,00	40,00
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,37																												2,37																2,44	4,81
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	50,98																													50,98															12,99	63,97
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	165,33																														165,33														55,17	220,50
2.7	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	3.673,18																		0,05								0,38			0,38		######												0,43	181,50	3.854,68
	Trong đó:																																														
-	Đất công trình giao thông	DGT	508,29																										0,38			0,38			507,91										0,38	14,81	523,10
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	3.057,49																																	######											16,23	3.073,72
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	2,63																																		2,63										2,63
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	96,02																																			96,02									150,51	246,53
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,90																																				0,90									0,90
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	2,52																																					2,52									2,52
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	5,33																		0,05																						5,28				0,05	-0,05	5,28
2.8	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	30,07																																								30,07				4,90	34,97
2.9	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	892,53																																									892,53					892,53
2.10	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,53																																										0,53					0,53
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	100,33														0,45		0,20		0,25																								99,88	0,45	-0,45	99,88
	Cộng tăng								28,86						37,28	64,61	321,75	4,24	0,27	22,16	2,47								110,60	40,00	2,44	12,99	55,17	181,93	15,19	16,23		150,51				4,90						
	Diện tích cuối kỳ năm 2025		102.184,65	95.620,63	######	339,60	847,67	9.920,15	######	#######	#######	13.313,30	9.815,26	5,14	37,28	194,29	######	442,37	12,73	251,42	534,74	110,89	4,54	6,74	33,11	11,28	34,93	20,29	329,28	40,00	4,81	63,97	220,50	######	523,10	######	2,63	246,53	0,90	2,52	5,28	34,97	892,53	0,53	99,88			

Danh mục phụ biểu trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bác Ái

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Phụ biểu 01	Kết quả thực hiện công trình, dự án trong năm 2024
2	Phụ biểu 02	Danh sách kết quả chuyển mục đích cá nhân đã đăng ký thực hiện trong năm 2024
3	Phụ biểu 03	Danh mục các công trình trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 02 năm liên tục chưa thực hiện theo khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai số 31/2024/QH15
4	Phụ biểu 04	Danh sách đăng ký chuyển mục đích của cá nhân trong năm 2025
5	Phụ biểu 05	Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 huyện Bác Ái

Phụ biểu 01

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN BÁC ÁI

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm (thu hồi đất, CMĐ SD đất)					Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ đầu tư
				Diện tích (ha)	*Chuyển từ các loại đất*							
					LUA	*RDD*	*RPH*	*Đất khác*				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I. Các công trình, dự án đã thực hiện xong trong năm 2024												
1	Điểm quan trắc nước dưới đất	0,00093	0,00093						xã Phước Trung		xây dựng ngầm dưới vị trí trạm y tế xã Phước Trung	Liên đoàn quy hoạch và điều tra nước miền Trung
2	Kênh bê tông nhánh 03 cánh đồng Chà Panh, xã Phước Hòa	0,30	0,30	0,30				0,30	xã Phước Hòa		tờ 06, 08, 09,…	UBND xã Phước Hòa
3	Giao đất làng thanh niên lập nghiệp xã Phước Đại	18,95	18,95						Xã Phước Đại		khoanh đất kiểm kê 371, 308, …	UBND xã Phước Đại
II Các công trình, dự án chưa thực hiện xong trong năm 2024 và chuyển tiếp sang năm 2025												
II.1 Các công trình, dự án đang thực hiện nhưng chưa hoàn thành (đang kiểm đếm, đo đạc hoặc đang thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất,...) và chuyển tiếp sang năm 2025												
1	Trụ sở công an xã Phước Đại	0,24		0,24				0,24	Phước Đại	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 21 tờ 38	Ban QLDA và ĐTXD huyện
2	Trụ sở công an xã Phước Thành	0,17		0,17				0,17	Phước Thành	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	chưa đo đạc BDDC	Công an tỉnh
3	Trụ sở công an xã Phước Chính	0,10		0,10				0,10	Phước Chính	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 01 tờ 38	Ban QLDA và ĐTXD huyện
4	Trụ sở công an xã Phước Trung	0,12		0,12				0,12	Phước Trung	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 50, 46, 38 tờ 49	Ban QLDA và ĐTXD huyện
5	Trụ sở công an xã Phước Thắng	0,20		0,20				0,20	Phước Thắng	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 23 tờ 10	Ban QLDA và ĐTXD huyện
6	Trụ sở công an xã Phước Tân	0,15		0,15				0,15	Phước Tân	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	cạnh bên UBND xã, chưa đo đạc BDDC	Ban QLDA và ĐTXD huyện
7	Trụ sở công an xã Phước Tiến	0,15		0,15				0,15	Phước Tiến	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 86 tờ 79	Ban QLDA và ĐTXD huyện
8	Trụ sở công an xã Phước Hòa	0,12		0,12				0,12	Phước Hòa	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 53 tờ 16, thửa 02 tờ 17	Công an tỉnh
9	Trụ sở công an xã Phước Bình	0,20		0,20				0,20	Phước Bình	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	Thửa 68, 70 tờ bản đồ 71	Ban QLDA và ĐTXD huyện
10	Tiểu dự án Phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn – Phước Nhơn	15,30	15,20	0,10	0,10				Xã Phước Trung	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024 Văn bản đăng ký nhu cầu số 1306/BQLDANNPTNT-DA2 ngày 02/10/2024 của Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	tờ 80, 72, 71, 13, 79, 90, 69…	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNN tỉnh
11	Đường cao tốc Bắc Nam	42,42	42,19	0,23	0,01			0,22	xã Phước Trung	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện đăng ký thu hồi bổ sung 0,23 ha trong năm 2025 (trong đó có 0,01 ha đất trồng lúa)	tờ 86, 77, 78, 69, 70, 13, 14, 71, 72, 64, 73…	TT PTQĐ huyện
12	Đường giao thông xã Phước Đại	0,50		0,50	0,10			0,40	Phước Đại	Điều chỉnh tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh: Điều chỉnh đất lúa 0,03ha, đất khác 0,47ha thành đất lúa 0,10ha (tăng 0,07ha), đất khác từ 0,40 (giảm 0,07ha) theo kết quả đo đạc thực tế.	thửa 51, 54 tờ 30; thửa 108 tờ 05; thửa 56 tờ 11…	Ban QLDA & ĐTXD huyện
13	Đường giao thông xã Phước Tiến	0,60		0,60				0,60	Xã Phước Tiến	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê số 442, 479, 473…	Ban QLDA & ĐTXD huyện
14	Đường giao thông xã Phước Thành	3,00		3,00				3,00	Xã Phước Thành	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	thửa 05, 07 tờ 41; thửa 66 tờ 11; thửa 02, 09, 15, 19... tờ 17; tờ 22, 26, 27, 28, 34…	Ban QLDA & ĐTXD huyện
15	Đường dọc kênh Nam và kênh Nam Suối Gió (đoạn 2)	1,40		1,40				1,40	xã Phước Chính	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê số 763, 698, 466 các tờ bản đồ số 24, 25, 26, 28…	Ban QLDA & ĐTXD huyện
16	Đường giao thông đi KSX cánh đồng Chà Panh xã Phước Hòa	2,50		2,50				2,50	xã Phước Hòa	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	thửa 17, 629... tờ 07	Ban QLDA & ĐTXD huyện
17	Đường dây 500kv nhiệt điện Vân phong - Vĩnh Tân đi qua huyện Bác Ái	38,90	35,90	3,00			1,31	1,69	Xã Phước Đại, Phước Chính, Phước Thành, Phước Trung	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	tờ 02, 03, 10, 11, 12… xã Phước Thành tờ 10, 13, 12, 15… xã Phước Đại	Ban QLDA các công trình điện Miền Trung
18	Dự án Hệ thống chuyển nước Tân Mỹ - Hồ Bà Râu- Hồ Sông Trâu (Hệ thống dẫn nước khu tưới hồ sông Cái)	28,70		15,00	0,13			14,87	xã Phước Hòa	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024 (Tổng diện tích dự án là 28,7 ha, trong năm 2024 thực hiện thu hồi 15 ha)	tờ 02, 03, 04, 05...	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNN tỉnh
19	Dự án: Đầu tư hoàn chỉnh kênh đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc hệ thống thủy lợi Sông Cái - Tân Mỹ	15,46		15,46	2,00			13,46	Phước Trung	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024 Văn bản đăng ký nhu cầu số 767/BQLDANNPTNT-DA2 ngày 16/8/2023 của Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	tờ 11,12,13 ,63,64,68,69, 115…	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNN tỉnh

Phụ biểu 01

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN BÁC ÁI

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm (thu hồi đất, CMĐ SD đất)					Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ đầu tư
				Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất							
					LUA	RDD	RPH	Đất khác				
20	Nhà máy điện mặt trời Thiên Tân Solar Ninh Thuận	70,00	57,30	12,70	1,18			11,52	Xã Phước Trung	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	Tờ 79 thửa 137, 51, 158, 160, 45, 52, 129, 49, 58, 130, 56, 57, 60, 65, 64, 59, 63, 68, 69, 70, 71, 77, 79, 1p thửa 80, 1p thửa 91 tờ 88 thửa 74, 9; tờ 78 thửa 163, 164,…	Công ty CP Thiên Tân Solar Ninh Thuận
21	Cụm Công nghiệp Phước Tiến	40,00		40,00				40,00	xã Phước Tiến	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê số 262, 406, 662…	Công ty TNHH Trường Hỷ Toàn Cầu
22	Tuyến đường dây 22kV cấp điện thi công - Dự án Nhà máy thủy điện tích năng Bác Ái (BAP)	0,36		0,36	0,05		0,28	0,03	Xã Phước Tân, Phước Tiến	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024 BQLDA Điện 3 có Công văn số 515/EVNPMB3-BT về việc điều chỉnh diện tích đất hạng mục Đường dây 22kV cấp điện thi công - Dự án Nhà máy thủy điện tích năng Bác Ái (BAP), cập nhật vào QH SDĐ đến năm 2030, KH SDĐ 2023 huyện Bác Ái, trong đó có nội dung: Điều chỉnh diện tích 0,24 ha từ danh mục Dự án thủy điện tích năng Bác Ái (tổng diện tích là 118,15 ha) sang Đường dây 22kV cấp điện thi công thủy điện tích năng Bác Ái	khoanh đất kiểm kê số 186, 776…	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
23	Dự án thủy điện tích năng Bác Ái và công trình phụ trợ	112,77	24,59	88,18			46,08	42,10	Xã Phước Hòa, Phước Tân	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê số 533, 537, 132…	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
24	Làm mới trục đường khu trung tâm hành chính (Đường D2)	1,00		1,00				1,00	Xã Phước Thành	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	thửa 67 tờ 22, thửa 15 tờ 48…	UBND xã Phước Thành
25	Đường nội đồng kẹp kênh Gia Ngheo (đường DDND13-ĐnĐ 14) xã Phước Bình	1,32		1,32				1,32	xã Phước Bình	CV số 84/CV-BQL ngày 28/8/2023 của Ban QLDA ĐTXD huyện Bác Ái NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	tờ bản đồ số 27	Ban QLDA & ĐTXD huyện
26	Đường dây 220kV Nha Trang - Tháp Chàm	2,00	1,50	0,50			0,26	0,24	Xã Phước Thành	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024		Ban QLDA các công trình điện Miền Trung
27	Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo	22,01		22,01				22,01	xã Phước Thắng	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 45/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận Quyết định chấp thuận nhà đầu tư số 416/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận	Vùng chưa đo	Công ty CP Công nghệ xanh Ninh Thuận
28	Mỏ vật liệu đất san lấp xã Phước Trung	37,60	11,83	25,77				25,77	Xã Phước Trung	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 643/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (cấp lần đầu) Giấy phép khai thác khoáng sản số 04/GP-UBND ngày 19/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 v/v cho Công ty Cổ phần Gia Việt thuê đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng khai thác mỏ vật liệu san lấp núi Nai, xã Phước Trung, huyện Bác Ái diện tích 11,83 ha	tờ 51, 61	Công ty CP Gia Việt
29	Dự án trồng dưa lưới theo tiêu chuẩn VietGAP kết hợp trồng cây dược liệu	24,98	14,00	10,98				10,98	Xã Phước Tiến	Quyết định chủ trương 1345/QĐ-UBND (T) ngày 22/8/2019	khoanh đất kiểm kê số 1229	Công ty TNHH dược liệu Phước Điền
30	Nhà máy cống bê tông rung ép và cát nhân tạo	0,99	0,73	0,99				0,99	Xã Phước Trung	Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH GVB thuê đất thực hiện dự án Nhà máy cống bê tông và cát nhân tạo tại xã Phước Trung, huyện Bác Ái với diện tích 0,73 ha	tờ 51	Công ty TNHH GVB
31	Trang trại chăn nuôi heo thịt	15,27		15,27				15,27	Phước Chính	Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	khoanh đất kiểm kê số 309	Công ty Thanh Ngân
32	Khai thác đất san lấp (thuộc khu khai thác 30 ha tại Phước Trung)	14,80		14,80				14,80	Xã Phước Trung	Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp nhận nhà đầu tư số 652/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận với diện tích khoảng 14,8 ha	tờ 67, 68, 77, 76	Công ty TNHH MTV khai thác và xây dựng 737
33	Khai thác đất san lấp (thuộc khu khai thác 30 ha tại Phước Trung)	14,60	5,14	9,46				9,46	Xã Phước Trung	Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp nhận nhà đầu tư số 181/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận với diện tích khoảng 14,6 ha	tờ 67, 68, 77, 76	Công ty TNHH đầu tư Vạn Phú Thịnh
34	Dự án Trồng cây dược liệu công nghệ cao và chuyển giao công nghệ nuôi trồng dược liệu	27,90		27,90				27,90	xã Phước Tiến	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 362/QĐ_UBND ngày 30/6/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận	khoanh đất kiểm kê số 186	Công ty CP Ninh Thuận Botanical

Phụ biểu 01

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN BÁC ÁI

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm (thu hồi đất, CMĐ SD đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ đầu tư
				Diện tích (ha)	*Chuyển từ các loại đất*							
					LUA	*RDD*	*RPH*	*Đất khác*				
35	Trạm trung chuyển gia súc, gia cầm	1,93		1,93				1,93	Xã Phước Thành	Đã xây dựng, đăng ký thực hiện thủ tục đất đai	Tờ 11 thửa 20, 23, 25	hộ gia đình, cá nhân
36	Cơ sở giới thiệu sản phẩm Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ tổng hợp Phước Chính	0,012		0,012				0,012	xã Phước Chính	Vốn tỉnh hỗ trợ Hợp tác xã, vốn đối ứng của Hợp tác và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác	thửa 85, tờ 35	UBND xã Phước Chính
37	Giao đất công trình: Chốt kiểm soát phương tiện vận chuyển vật liệu trái phép	0,12	0,12						xã Phước Trung	NQ số 58/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 09/12/2022 thu hồi đất năm 2023	tờ 96; thửa 5, 6	Ban QLDA & ĐTXD huyện
38	Giao đất dự án: Trường mầm non xã Phước Đại	0,22	0,22						xã Phước Đại	Xây mới trường mầm non Tà Lú 2	tờ 43, thửa 7, 10, 19, 92, 93	Ban QLDA & ĐTXD huyện
39	Dự án phát triển cây dược liệu, cây ăn quả chất lượng cao	59,64	59,64						Phước Tiến	Văn bản số 09-NINATECH ngày 09/10/2023 về việc đăng ký nhu cầu năm 2024 Dự án đã có quyết định cho thuê đất trồng cây lâu năm, đăng ký để chuyển sang đất nông nghiệp khác đối với phần diện tích loại đất nông nghiệp khác phù hợp quy hoạch sử dụng đất năm 2030	khoanh đất 1162	Công ty CP ĐT&PT NNCNC Ninh Thuận
40	Giao đất công trình: Cải tại nâng cấp tiết diện đường dây 100kv Đa Nhim - trạm 220 kV Tháp Chàm	0,136	0,136						xã Phước Trung	NQ số 58/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 09/12/2022 thu hồi đất năm 2023		Tổng công ty điện lực Miền Nam
41	Đấu giá quyền sử dụng đất ở Trụ sở làm việc Khối đoàn thể huyện cũ nhà làm việc của các phòng: dân tộc, Thanh tra, Tư pháp, Hội chữ thập đỏ, Hội Đông y	0,65		0,65				0,65	xã Phước Đại	Đề án giải pháp tăng thu từ nguồn lực đất đai trên địa bàn huyện Bác Ái giai đoạn 2020-2025	tờ 38	TT PTQĐ huyện
42	Đấu giá quyền sử dụng đất ở điểm trường MG thôn Mã Tiền	0,20		0,20				0,20	xã Phước Tiến	Quyết định số 1544/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 07/11/2022 (theo bản đồ địa chính đo đạc cũ diện tích là 1.800 m2, tuy nhiên sau khi đo đạc thực tế lại diện tích thay đổi là 1.988,8 m2	tờ 94 thửa 70	TT PTQĐ huyện
43	Đấu giá quyền sử dụng đất ở nhà công vụ trường THCS Ngô Quyền	0,04		0,04				0,04	Xã Phước Tiến	Đề án giải pháp tăng thu từ nguồn lực đất đai trên địa bàn huyện Bác Ái giai đoạn 2020-2025	tờ 80 thửa 29	TT PTQĐ huyện
44	Đấu giá quyền sử dụng đất ở điểm trường tiểu học Phước Thắng (Ma Oai)	0,14		0,14				0,14	xã Phước Thắng	Quyết định số 1544/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 07/11/2022	tờ 26 thửa 79	TT PTQĐ huyện
45	Giao đất cho hộ dân (bị thu hồi dự án Đường dây 500kv nhiệt điện Vân phong - Vĩnh Tân đi qua huyện Bác Ái)	0,16		0,16				0,16	Phước Đại	Đăng ký để thực hiện thủ tục đất đai giao đất cho 04 hộ	thửa 61 tờ 35	UBND huyện
46	Nhà làm việc của khối đoàn thể	0,07		0,07				0,07	Phước Bình	Sử dụng đất trạm y tế cũ, không thu hồi đất	Thửa đất số 28, tờ bản đồ 72	UBND xã Phước Bình
47	Giao đất khu TĐC thôn Tà Lọt, xã Phước Hòa	3,87	1,10						xã Phước Hòa	QĐ số 239/QĐ-UBND của UBND huyện Bác Ái ngày 19/2/2020 về việc phê duyệt quy hoạch phân lô chi tiết khu tái định cư thôn Tà Lọt, xã Phước Hòa	tờ 11, 12, 14, 15,…	UBND xã Phước Hòa
48	Giao đất công trình: Xây dựng Trung tâm văn hóa, thể thao xã Phước Thành	0,46							Xã Phước Thành	NQ số 58/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 09/12/2022 thu hồi đất năm 2023	Thửa 25, 28, 29, 21 tờ 21	UBND Xã Phước Thành
49	Giao đất ở (72 hộ) xã Phước Thắng	5,10	2,00						Xã Phước Thắng	Thông báo số 306/TB-UBND của UBND huyện Bác Ái ngày 12/9/2019 Đăng ký để thực hiện thủ tục đất đai	Tờ 23, 26, 28	UBND xã Phước Thắng
50	Chợ Phước Trung	0,30							xã Phước Trung	Đã san mặt bằng, không thu hồi đất, đăng ký để thực hiện xây dựng và thủ tục đất đai còn lại	tờ 49, thửa 42	UBND xã Phước Trung
51	Đất lâm nghiệp đưa ra ngoài lâm nghiệp giao về địa phương để lập kế hoạch sử dụng đất	1.346,25							Các xã	*Quyết định 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2025*		UBND xã
52	Đất lâm nghiệp đưa ra ngoài lâm nghiệp giao về địa phương để lập kế hoạch sử dụng đất	2.221,34							Các xã	*Quyết định 276/QĐ-UBND đã thực hiện bàn giao cho địa phương (bàn giao đợt 1)*		UBND xã
53	Đường giao thông liên xã Phước Đại đi Phước Tân	12,98	12,98						Phước Đại, Phước Thắng, Phước Tiến, Phước Tân	*Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh về chuyển mục đích đất rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án* *Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án* *Đăng ký kế hoạch để tiếp tục hoàn thiện thủ tục đất đai*	tờ 07 xã Phước Đại khoanh đất kiểm kê số 260,…	Ban QLDA & ĐTXD huyện
II.2 Các công trình, dự án chưa thực hiện và chuyển tiếp sang năm 2025												

Phụ biểu 01

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN BÁC ÁI

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm (thu hồi đất, CMĐ SD đất)					Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ đầu tư
				Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất							
					LUA	RDD	RPH	Đất khác				
1	Cơ sở 2 Trạm KSGT 1/27	0,78		0,78				0,78	Xã Phước Thành	Vị trí sử dụng trước đây là cơ sở của Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Sắt, đăng ký để thực hiện thủ tục đất đai	Tờ 14, thửa 16	Công an tỉnh
2	Mở rộng công an huyện Bác Ái	0,50		0,50				0,50	Phước Đại	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 28,30,39... tờ 39	Công an tỉnh
3	Đất quốc phòng	9,86		9,86				9,86	Phước Trung	Báo cáo số 667/BC-BCH của BCH quân sự huyện Bác Ái ngày 20/9/2021	thửa 9,12,17...tờ 41; khoanh đất 431	Ban CHQS huyện Bác Ái
4	Đất quốc phòng	5,25		5,25				5,25	Phước Thành	Báo cáo số 667/BC-BCH của BCH quân sự huyện Bác Ái ngày 20/9/2022	Tờ 27 thửa 79, 162, 163, 214, 255, 183, 54 và vùng chưa đo.	Ban CHQS huyện Bác Ái
5	Đất quốc phòng	5,25		5,25				5,25	Phước Tân	Báo cáo số 667/BC-BCH của BCH quân sự huyện Bác Ái ngày 20/9/2023	khoanh đất kiểm kê số 262, 406, 662	Ban CHQS huyện Bác Ái
6	Đất quốc phòng	2,00		2,00				2,00	Phước Bình	Báo cáo số 667/BC-BCH của BCH quân sự huyện Bác Ái ngày 20/9/2024	Tờ 18 thửa 12, 13, 8; Tờ 25 thửa 3	Ban CHQS huyện Bác Ái
7	Đường nội đồng ra khu vực sản xuất Suối Lưỡi Mẫu đi ra QL 27B, xã Phước Tân - Phước Tiến	2,64		2,64				2,64	xã Phước Tiến, Phước Tân	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê số 681, 616, 109, 707…	Ban QLDA & ĐTXD huyện
8	Nhà máy thủy điện Phước Hòa	63,15		63,15			0,82	62,33	Xã Phước Hòa, Phước Bình	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024 Công văn số 247/2023/CV/ĐT-TC ngày 26/9/2023 của công ty TNHH TM và XD Trung Chính v/v đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê số 1071, 1072, 1107…	Công ty TNHH TM và XD Trung Chính
9	Xây dựng khu nghĩa trang xã Phước Chính	2,00		2,00				2,00	Phước Chính	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê 790	UBND xã Phước Chính
10	Xây dựng nghĩa trang xã Phước Hòa	2,00		2,00				2,00	Xã Phước Hòa	Nghị quyết số 229/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND huyện NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	thửa 77 tờ 05	UBND xã Phước Hòa
11	Nghĩa trang xã Phước Thành	3,00		3,00				3,00	Phước Thành	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê 352	UBND xã Phước Thành
12	Xây mới trụ sở UBND xã Phước Thắng	0,20		0,20				0,20	xã Phước Thắng	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	Tờ 10, thửa 23	UBND xã Phước Thắng
13	Nghĩa trang xã Phước Đại	5,00		5,00				5,00	xã Phước Đại	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê 1118	Kêu gọi đầu tư
14	Nâng cấp, cải tạo khu nghĩa trang, nghĩa địa thôn Mã Tiền, xã Phước Tiến	2,28		2,28				2,28	Phước Tiến	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê 186	UBND xã Phước Tiến
15	Dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phước Bình, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận cải thiện sinh kế của người dân	0,15		0,15				0,15	Phước Bình	CV số 774/BXDNL-KT ngày 27/7/2023 của Ban XD năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước v/v đăng ký danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024 Đăng ký để hoàn thành thủ tục đất đai. NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024		Ban XD năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước tỉnh Ninh Thuận
16	Nâng cấp, cải tạo nghĩa trang thôn Tham Dú - Đồng Dày xã Phước Trung	2,00		2,00				2,00	xã Phước Trung	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	thửa 35, 77 tờ 60	UBND xã Phước Trung
17	Nhà máy sản xuất gạch tuynel Bác Ái	15,40		15,40				15,40	xã Phước Thành	Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận v/v quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc chấp thuận điều chỉnh (lần 2) chủ trương đầu tư dự án "Nhà máy sản xuất gạch tuynel Bắc Ái". Văn bản số 06/TTr-XDBA ngày 18/9/2024 của Công ty CP xây dựng Bắc Ái về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung nhu cầu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025	Tờ 21	Công ty cổ phần xây dựng Bắc Ái
18	Bến xe huyện Bác Ái	2,00		2,00				0,00	xã Phước Đại		tờ 15, thửa 100, tờ 16, thửa 183, 189, 193, 195	Kêu gọi đầu tư
19	Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Ninh Thuận	7,25		7,25				7,25	Phước Tân, Phước Thắng, Phước Thành, Phước Trung			Sở Nông nghiệp & PTNT

Phụ biểu 01

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN BÁC ÁI

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm (thu hồi đất, CMĐ SD đất)					Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ đầu tư
				Diện tích (ha)	*Chuyển từ các loại đất*							
					LUA	*RDD*	*RPH*	*Đất khác*				
20	Vùng trồng cây dược liệu quý huyện Bác Ái	381,68							Phước Bình, Phước Hòa, Phước Tân, Phước Tiến	Khoanh vùng các khu vực trồng cây dược liệu để thu hút đầu tư đảm bảo phù hợp loại đất theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bác Ái đã được phê duyệt	tờ 36, 44, 30, 31,… xã Phước Bình tờ 04, 05,… xã Phước Hòa khoanh đất kiểm kê 186,…	Kêu gọi đầu tư
21	Nhà máy sơ chế, chế biến dược liệu Bác Ái	6,00		6,00				6,00	xã Phước Đại	Vị trí nằm trong điểm tiểu thủ công nghiệp	thửa 100 tờ 15	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện
22	Đấu giá quyền sử dụng đất ở lô số 57 KDC mã Tiền	0,05		0,05				0,05	xã Phước Tiến	CV số 582/CV-UBND của UBND huyện Bác Ái ngày 30/3/2021 v/v triển khai thực hiện thủ tục bán đấu giá QSDĐ lô số 57 thôn Mã Tiền	thửa 41 tờ 94	TT PTQĐ huyện
23	Cho thuê đất bãi vật liệu cũ lòng hồ Tân Mỹ làm đất nông nghiệp khác	1,58		1,58				1,58	xã Phước Tiến	Đề án giải pháp tăng thu từ nguồn lực đất đai trên địa bàn huyện Bác Ái giai đoạn 2020-2025	khoanh đất kiểm kê số 1377	TT PTQĐ huyện
24	Cho thuê đất bãi vật liệu cũ lòng hồ Tân Mỹ làm thương mại dịch vụ	2,20		2,20				2,20	xã Phước Tiến	Đề án giải pháp tăng thu từ nguồn lực đất đai trên địa bàn huyện Bác Ái giai đoạn 2020-2025	khoanh đất kiểm kê số 1377	TT PTQĐ huyện
25	Giao đất nông nghiệp Phước Thắng (gồm 60 ha giao đất khai hoang theo công văn 3111/STNMT-ĐĐ và 33,67 ha nguồn gốc là đất hoán đổi của công ty Vila)	93,67							Xã Phước Thắng	Kết luận số 4483/KL - UBND ngày 20/9/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận về quản lý và sử dụng đất trên địa bàn Bác Ái CV số 3111/STNMT-ĐĐ ngày 28/6/2023 của Sở TNMT tỉnh Ninh Thuận Về việc xử lý kiến nghị của Ủy ban nhân dân huyện Bác Ái (gồm 03 dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023: Cho thuê đất sản xuất nông nghiệp 25 ha; giao đất SXNN 20 ha và giao đất NN Phước Thắng 33,67 ha)	khoanh đất kiểm kê số 85, 135, 173, 153, 86	UBND xã Phước Thắng
III. Các công trình, dự án chưa thực hiện và không chuyển tiếp sang năm 2025												
1	Khu dân cư nông thôn mới Mã Tiền 2 (giai đoạn 1) (tên quy hoạch: Khu dân cư dọc QL 27B thôn Mã Tiền 50 ha (gồm điểm dân cư Mã Tiền 1; điểm dân cư Mã Tiền 2; điểm dân cư Trà Co 1))	8,44		8,44				8,44	Phước Tiến	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	Tờ 63 thửa 25 đến thửa 33, 36, 37, 38, 6, 8, 9, 12, 15, 16, 18, 24; Tờ 64 thửa 1, 2, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 14, 16, 17, 18, 20, 33, 34, 35, 39, 40, 24.	Ban QLDA & ĐTXD huyện
2	Khu dân cư nông thôn mới đầu cầu Quảng Ninh thôn Mã Tiền (giai đoạn 1) (tên quy hoạch: Khu dân cư dọc QL 27B thôn Mã Tiền 50 ha (gồm điểm dân cư Mã Tiền 1; điểm dân cư Mã Tiền 2; điểm dân cư Trà Co 1))	6,10		6,10				6,10	Phước Tiến	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	Tờ 67 thửa 2, 3, 4, 5, 31, 46, 47, 3, 6, 13, 41, 32, 39, 37, 25, 53, 50, 14, 28, 35, 49, 12, 29, 44, 33, 30, 34, 45, Tờ 66 thửa 3, 7…..	Ban QLDA & ĐTXD huyện
3	Đường bao chống sạt lở khu vực thôn Bạc Rây 2, xã Phước Bình (Giai đoạn 2)	1,70		1,70				1,70	Xã Phước Bình	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	thửa 87, 90, 91 tờ 78, thửa 36 tờ 25…	Ban QLDA & ĐTXD huyện
4	Bưu điện văn hóa xã Phước Tân	0,03		0,03				0,03	Phước Tân	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê số 375	Bưu điện tỉnh Ninh Thuận
5	Khu dân cư trung tâm huyện (thuộc khu E,F đồ án quy hoạch Đô thị Phước Đại) - giai đoạn 1	1,50		1,50				1,50	Phước Đại	NQ số 58/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 09/12/2022 thu hồi đất năm 2023	thửa 02, 03, 04, 05… tờ 35	Phòng KT-HT huyện Bác Ái
6	Xây dựng đường vào khu du lịch thác Chapot	0,30		0,30			0,30	0,00	Phước Bình	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê 533, 537…	Ban quản lý VQG Phước Bình
7	Xây dựng đường giao thông kết hợp tuần tra bảo vệ rừng vùng giáp ranh tỉnh Khánh Hòa	4,78		4,78		3,83	0,95	0,00	Phước Bình	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê 132, 537,…	Ban quản lý VQG Phước Bình
8	Mở rộng đường vào khu du lịch suối Gia Nhông	0,29		0,29				0,29	Phước Bình	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê 1232	Ban quản lý VQG Phước Bình
9	Xây dựng nghĩa trang xã Phước Tiến	7,00		7,00				7,00	xã Phước Tiến	CV số 84/CV-BQL ngày 28/8/2023 của Ban QLDA ĐTXD huyện Bác Ái NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê 454, 1055	Ban QLDA & ĐTXD huyện
10	Đập phụ 4 thuộc hệ thống thủy lợi Tân Mỹ	2,12		2,12				2,12	Xã Phước Tân	Đăng ký để hoàn thiện thủ tục đất đai	khoanh đất kiểm kê 237	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNN tỉnh
11	Trang trại Lộc Phát	36,19		36,19				36,19	Phước Thắng	Chuyển tiếp theo văn bản đăng ký nhu cầu số 08.9/CV-LP ngày 08/9/2023	tờ 11, 12	Công ty TNHH trang trại Lộc Phát

Phụ biểu 01

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN BÁC ÁI

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm (thu hồi đất, CMĐ SD đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ đầu tư
				Diện tích (ha)	*Chuyển từ các loại đất*							
					LUA	*RDD*	*RPH*	*Đất khác*				
12	Trang trại Lộc Phát	26,70		26,70				26,70	Phước Thắng	Chuyển tiếp theo văn bản đăng ký nhu cầu số 08.9/CV-LP ngày 08/9/2023	tờ 16	Công ty TNHH trang trại Lộc Phát
13	Bệnh viện đa khoa và viện dưỡng lão	2,22		2,22				2,22	xã Phước Bình		thửa 01 tờ 44,…	Kêu gọi đầu tư
14	Công trình phụ trợ Bệnh viện đa khoa và viện dưỡng lão	6,81		6,81				6,81	xã Phước Bình		thửa 28, 31 tờ 36; thửa 01, 11, 24 tờ 44…	Kêu gọi đầu tư
15	Khai thác khoáng sét để sản xuất gạch ngói	13,00		13,00				13,00	xã Phước Chính	QĐ 318/QĐ-UBND (T) ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và văn bản số 4796/UBND-KTN ngày 02/2/2015 đồng ý chủ trương cấp phép thăm dò khai thác khoáng sản sét gạch ngói	khoanh đất kiểm kê số 57	Kêu gọi đầu tư
16	Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng	3,20		3,20				3,20	xã Phước Đại	Văn bản số 4288/UBND-KTTH ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận v/v dự án Xây dựng nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng	thửa 245 tờ 14	Kêu gọi đầu tư
17	Nhà máy đá xây dựng núi Tà Liên	2,23		2,23				2,23	xã Phước Đại	Văn bản số 549/UBND-KT v/v xác định nhu cầu VLXD phục vụ dự án tuyến đường bộ cao tốc qua tỉnh Ninh Thuận	khoanh đất kiểm kê 262	Kêu gọi đầu tư
18	Khai thác đá xây dựng núi Tà Liên	2,66		2,66				2,66	xã Phước Đại	Văn bản số 549/UBND-KT v/v xác định nhu cầu VLXD phục vụ dự án tuyến đường bộ cao tốc qua tỉnh Ninh Thuận	khoanh đất kiểm kê 262	Kêu gọi đầu tư
19	Khu du lịch sinh thái Suối Lạnh (thuê môi trường rừng)	96,91							xã Phước Đại	CV số 01/CV-DTĐ ngày 23/2/2022 của công ty Diệp Thành Đạt	khoanh đất kiểm kê 533	Kêu gọi đầu tư
20	Cửa hàng xăng dầu xã Phước Hòa	0,17		0,17				0,17	Xã Phước Hòa	Kêu gọi đầu tư	thửa 32 tờ 17	Kêu gọi đầu tư
21	Trang trại chăn nuôi bò thịt	15,29		15,29				15,29	Phước Tiến	Văn bản số 943/UBND-KT ngày 13/5/2022 của UBND huyện Bác Ái v/v kiến nghị địa điểm đầu tư dự án	khoanh đất kiểm kê số 186	Kêu gọi đầu tư
22	Nhà máy chế biến tinh bột khoai mì	7,00		7,00				7,00	Phước Tiến	Văn bản số 943/UBND-KT ngày 13/5/2022 của UBND huyện Bác Ái v/v kiến nghị địa điểm đầu tư dự án	khoanh đất kiểm kê số 186	Kêu gọi đầu tư
23	Khai thác đất san lấp núi Ro	23,00		23,00				23,00	Phước Thắng		Tờ 7 thửa 51, 52; tờ 8 thửa 308	Kêu gọi đầu tư
24	Khai thác đá xây dựng Đông Nam núi Mai	9,20		9,20				9,20	Xã Phước Trung	Văn bản đăng ký nhu cầu số 183/CV-GV ngày 17/10/2023 của Công ty CP Gia Việt đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê 1067	Kêu gọi đầu tư
25	Trang trại chăn nuôi heo khép kín công nghệ cao	13,67		13,67				13,67	Xã Phước Trung	Văn bản đăng ký nhu cầu số 01/VB-AN ngày 15/8/2023 của Công ty TNHH xây dựng An Nguyên đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024	thửa 8, 13 tờ 75	Kêu gọi đầu tư
26	Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo công nghệ khép kín kết hợp trồng cây có muí công nghệ tưới Israel Phước Tiến	113,20		113,20				113,20	Phước Tiến	Văn bản đăng ký nhu cầu kế hoạch năm 2024 số 01/CV-CNXNT ngày 09/9/2023 của Công ty CP Công nghệ xanh Ninh Thuận	khoanh đất kiểm kê số 351	Kêu gọi đầu tư
27	Trang trại chăn nuôi kết hợp trồng cây ăn quả và sản xuất phân hữu cơ PTICO	14,79		14,79				14,79	Phước Thắng	CV số 02/CV-PTICONT ngày 13/9/2023 của Cty CP PTICO Ninh Thuận đăng ký kế hoạch SDĐ năm 2024	Vùng chưa đo	Kêu gọi đầu tư
28	Khu khai thác VLXD Sô Ngang 2	20,00		20,00				20,00	Xã Phước Trung		thửa 22, 32, 38, 27,… tờ 35, 36	Kêu gọi đầu tư
29	Khu du lịch Tà Lú 2	3,60							Phước Đại	Thuê môi trường rừng	khoanh đất kiểm kê 1067	Kêu gọi đầu tư
30	Khu du lịch thác Cha Pơ (thuê dịch vụ rừng làm du lịch)	10,00							Phước Tân, Phước Hòa	Thuê môi trường rừng	khoanh đất kiểm kê 533	Kêu gọi đầu tư
31	Cho thuê đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	6,00		6,00				6,00	Phước Đại		thửa 479 tờ 25	Kêu gọi đầu tư
32	Cho thuê đất thương mại dịch vụ	1,70		1,70				1,70	Phước Đại		thửa 479 tờ 25	Kêu gọi đầu tư

Phụ biểu 02

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH CÁ NHÂN NĂM 2024

STT	Họ và tên	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất hiện trạng	Diện tích chuyển (m2)	Mã loại đất xin chuyển	Địa điểm cấp xã	Số quyết định
1	Khang	18	46	HNK	150	ONT	Phước Đại	944
2	Chính	184	18	HNK	500	ONT	Phước Đại	945
3	Nguyễn Thị Thúy Hảo	597	12	HNK	400	ONT	Phước Đại	946
4	Nguyễn Đức Thanh	26	16	CLN	518	ONT	Phước Hòa	984
5	Đỗ Kim Khánh	50	16	HNK	400	ONT	Phước Hòa	983
6	Pinang Thị Ba	66	9	CLN	491	ONT	Phước Hòa	981
7	Nguyễn Thị Quyền	63	51	HNK	441	ONT	Phước Tân	848
8	Vũ Khắc Hoàng	724	13	LUK	300	ONT	Phước Tháng	913
9	Vũ Khắc Hoàng	726	13	LUK	300	ONT	Phước Tháng	912
10	Nguyễn Thị Sen	198	50	CLN	300	ONT	Phước Thành	847
11	Phạm Thị Hoài Thương	72	87	HNK	100	ONT	Phước Tiến	982
12	Bùi Quốc Việt	103	80	CLN	219	ONT	Phước Tiến	1165
13	Nguyễn Đức Tài	69	21	HNK	4900	TMD	Phước Thành	1167
14	Nguyễn Thị Hồng Vân	12	52	HNK	162	ONT	Phước Tân	1566
15	Đỗ Thị Đỉnh	17	46	HNK	343	ONT	Phước Đại	1428
16	Đoàn Thị Nga	555	21	HNK	300	ONT	Phước Đại	1427
17	Huỳnh Minh Thông	59	40	HNK	240	ONT	Phước Đại	1163
18	Nguyễn Thị Bích Nhung	49	33	CLN	192	ONT	Phước Đại	1164
19	Phan Bửu Hoàng	39	45	HNK	497	ONT	Phước Đại	1166
20	Thái Minh Bộ	68	40	HNK	100	ONT	Phước Đại	1565
21	Trần Quang Hiền	383	36	HNK	100	ONT	Phước Đại	1567

Phụ biểu 03

Danh mục các công trình trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 02 năm liên tục chưa thực hiện theo khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai số 31/2024/QH15

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm (thu hồi đất, CMĐ SD đất)					Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ đầu tư
				Diện tích (ha)	*Chuyển từ các loại đất*							
					LUA	*RDD*	*RPH*	*Đất khác*				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I. Các công trình, dự án đang thực hiện nhưng chưa hoàn thành (đang kiểm đếm, đo đạc hoặc đang thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất,...) và chuyển tiếp sang năm 2025												
1	Trụ sở công an xã Phước Đại	0,24		0,24				0,24	Phước Đại	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 21 tờ 38	Ban QLDA và ĐTXD huyện
2	Trụ sở công an xã Phước Thành	0,17		0,17				0,17	Phước Thành	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	chưa đo đạc BDDC	Công an tỉnh
3	Trụ sở công an xã Phước Chính	0,10		0,10				0,10	Phước Chính	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 01 tờ 38	Ban QLDA và ĐTXD huyện
4	Trụ sở công an xã Phước Trung	0,12		0,12				0,12	Phước Trung	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 50, 46, 38 tờ 49	Ban QLDA và ĐTXD huyện
5	Trụ sở công an xã Phước Thắng	0,20		0,20				0,20	Phước Thắng	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 23 tờ 10	Ban QLDA và ĐTXD huyện
6	Trụ sở công an xã Phước Tân	0,15		0,15				0,15	Phước Tân	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	cạnh bên UBND xã, chưa đo đạc BDDC	Ban QLDA và ĐTXD huyện
7	Trụ sở công an xã Phước Tiến	0,15		0,15				0,15	Phước Tiến	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 86 tờ 79	Ban QLDA và ĐTXD huyện
8	Trụ sở công an xã Phước Hòa	0,12		0,12				0,12	Phước Hòa	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 53 tờ 16, thửa 02 tờ 17	Công an tỉnh
9	Trụ sở công an xã Phước Bình	0,20		0,20				0,20	Phước Bình	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	Thửa 68, 70 tờ bản đồ 71	Ban QLDA và ĐTXD huyện
10	Tiểu dự án Phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn – Phước Nhơn	15,30	15,20	0,10	0,10				Xã Phước Trung	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024 Văn bản đăng ký nhu cầu số 1306/BQLDANNPTNT-DA2 ngày 02/10/2024 của Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	tờ 80, 72, 71, 13, 79, 90, 69…	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNN tỉnh
11	Đường giao thông xã Phước Thành	3,00		3,00				3,00	Xã Phước Thành	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	thửa 05, 07 tờ 41; thửa 66 tờ 11; thửa 02, 09, 15, 19... tờ 17; tờ 22, 26, 27, 28, 34…	Ban QLDA & ĐTXD huyện
12	Đường dây 500kv nhiệt điện Vân phong - Vĩnh Tân đi qua huyện Bác Ái	38,90	35,90	3,00			1,31	1,69	Xã Phước Đại, Phước Chính, Phước Thành, Phước Trung	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	tờ 02, 03, 10, 11, 12… xã Phước Thành tờ 10, 13, 12, 15… xã Phước Đại	Ban QLDA các công trình điện Miền Trung
13	Dự án Hệ thống chuyển nước Tân Mỹ - Hồ Bà Râu- Hồ Sông Trâu (Hệ thống dẫn nước khu tưới hồ sông Cái)	28,70		15,00	0,13			14,87	xã Phước Hòa	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024 (Tổng diện tích dự án là 28,7 ha, trong năm 2024 thực hiện thu hồi 15 ha)	tờ 02, 03, 04, 05...	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNN tỉnh
14	Dự án: Đầu tư hoàn chỉnh kênh đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc hệ thống thủy lợi Sông Cái - Tân Mỹ	15,46		15,46	2,00			13,46	Phước Trung	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024 Văn bản đăng ký nhu cầu số 767/BQLDANNPTNT-DA2 ngày 16/8/2023 của Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	tờ 11,12,13 ,63,64,68,69, 115…	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNN tỉnh
15	Nhà máy điện mặt trời Thiên Tân Solar Ninh Thuận	70,00	57,30	12,70	1,18			11,52	Xã Phước Trung	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	Tờ 79 thửa 137, 51, 158, 160, 45, 52, 129, 49, 58, 130, 56, 57, 60, 65, 64, 59, 63, 68, 69, 70, 71, 77, 79, 1p thửa 80, 1p thửa 91 tờ 88 thửa 74, 9; tờ 78 thửa 163, 164,…	Công ty CP Thiên Tân Solar Ninh Thuận

Phụ biểu 03

Danh mục các công trình trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 02 năm liên tục chưa thực hiện theo khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai số 31/2024/QH15

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm (thu hồi đất, CMĐ SD đất)					Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ đầu tư
				Diện tích (ha)	*Chuyển từ các loại đất*							
					LUA	*RDD*	*RPH*	*Đất khác*				
16	Cụm Công nghiệp Phước Tiến	40,00		40,00				40,00	xã Phước Tiến	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê số 262, 406, 662…	Công ty TNHH Trường Hỷ Toàn Cầu
17	Tuyến đường dây 22kV cấp điện thi công - Dự án Nhà máy thủy điện tích năng Bác Ái (BAP)	0,36		0,36	0,05		0,28	0,03	Xã Phước Tân, Phước Tiến	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024 BQLDA Điện 3 có Công văn số 515/EVNPMB3-BT về việc điều chỉnh diện tích đất hạng mục Đường dây 22kV cấp điện thi công - Dự án Nhà máy thủy điện tích năng Bác Ái (BAP), cập nhật vào QH SDĐ đến năm 2030, KH SDĐ 2023 huyện Bác Ái, trong đó có nội dung: Điều chỉnh diện tích 0,24 ha từ danh mục Dự án thủy điện tích năng Bác Ái (tổng diện tích là 118,15 ha) sang Đường dây 22kV cấp điện thi công thủy điện tích năng Bác Ái	khoanh đất kiểm kê số 186, 776…	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
18	Dự án thủy điện tích năng Bác Ái và công trình phụ trợ	112,77	24,59	88,18			46,08	42,10	Xã Phước Hòa, Phước Tân	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê số 533, 537, 132…	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
19	Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo	22,01		22,01				22,01	xã Phước Thắng	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 45/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận Quyết định chấp thuận nhà đầu tư số 416/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận	Vùng chưa đo	Công ty CP Công nghệ xanh Ninh Thuận
20	Mỏ vật liệu đất san lấp xã Phước Trung	37,60	11,83	25,77				25,77	Xã Phước Trung	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 643/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (cấp lần đầu) Giấy phép khai thác khoáng sản số 04/GP-UBND ngày 19/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 v/v cho Công ty Cổ phần Gia Việt thuê đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng khai thác mỏ vật liệu san lấp núi Nai, xã Phước Trung, huyện Bác Ái diện tích 11,83 ha	tờ 51, 61	Công ty CP Gia Việt
21	Dự án trồng dưa lưới theo tiêu chuẩn VietGAP kết hợp trồng cây dược liệu	24,98	14,00	10,98				10,98	Xã Phước Tiến	Quyết định chủ trương 1345/QĐ-UBND (T) ngày 22/8/2019	khoanh đất kiểm kê số 1229	Công ty TNHH dược liệu Phước Điền
22	Nhà máy cống bê tông rung ép và cát nhân tạo	0,99	0,73	0,99				0,99	Xã Phước Trung	Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH GVB thuê đất thực hiện dự án Nhà máy cống bê tông và cát nhân tạo tại xã Phước Trung, huyện Bác Ái với diện tích 0,73 ha	tờ 51	Công ty TNHH GVB
23	Trang trại chăn nuôi heo thịt	15,27		15,27				15,27	Phước Chính	Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	khoanh đất kiểm kê số 309	Công ty Thanh Ngân
24	Giao đất dự án: Trường mầm non xã Phước Đại	0,22	0,22						xã Phước Đại	Xây mới trường mầm non Tà Lú 2	tờ 43, thửa 7, 10, 19, 92, 93	Ban QLDA & ĐTXD huyện
25	Giao đất công trình: Cải tại nâng cấp tiết diện đường dây 100kv Đa Nhim - trạm 220 kV Tháp Chàm	0,136	0,136						xã Phước Trung	NQ số 58/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 09/12/2022 thu hồi đất năm 2023		Tổng công ty điện lực Miền Nam
26	Đấu giá quyền sử dụng đất ở Trụ sở làm việc Khối đoàn thể huyện cũ nhà làm việc của các phòng: dân tộc, Thanh tra, Tư pháp, Hội chữ thập đỏ, Hội Đông y	0,65		0,65				0,65	xã Phước Đại	Đề án giải pháp tăng thu từ nguồn lực đất đai trên địa bàn huyện Bác Ái giai đoạn 2020-2025	tờ 38	TT PTQĐ huyện

Phụ biểu 03

Danh mục các công trình trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 02 năm liên tục chưa thực hiện theo khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai số 31/2024/QH15

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm (thu hồi đất, CMĐ SD đất)					Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ đầu tư
				Diện tích (ha)	*Chuyển từ các loại đất*							
					LUA	*RDD*	*RPH*	*Đất khác*				
27	Đấu giá quyền sử dụng đất ở điểm trường MG thôn Mã Tiền	0,20		0,20				0,20	xã Phước Tiến	Quyết định số 1544/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 07/11/2022 (theo bản đồ địa chính đo đạc cũ diện tích là 1.800 m2, tuy nhiên sau khi đo đạc thực tế lại diện tích thay đổi là 1.988,8 m2	tờ 94 thửa 70	TT PTQĐ huyện
28	Đấu giá quyền sử dụng đất ở nhà công vụ trường THCS Ngô Quyền	0,04		0,04				0,04	Xã Phước Tiến	Đề án giải pháp tăng thu từ nguồn lực đất đai trên địa bàn huyện Bác Ái giai đoạn 2020-2025	tờ 80 thửa 29	TT PTQĐ huyện
29	Đấu giá quyền sử dụng đất ở điểm trường tiểu học Phước Thắng (Ma Oai)	0,14		0,14				0,14	xã Phước Thắng	Quyết định số 1544/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 07/11/2022	tờ 26 thửa 79	TT PTQĐ huyện
30	Giao đất cho hộ dân (bị thu hồi dự án Đường dây 500kv nhiệt điện Vân phong - Vĩnh Tân đi qua huyện Bác Ái)	0,16		0,16				0,16	Phước Đại	Đăng ký để thực hiện thủ tục đất đai giao đất cho 04 hộ	thửa 61 tờ 35	UBND huyện
31	Nhà làm việc của khối đoàn thể	0,07		0,07				0,07	Phước Bình	Sử dụng đất trạm y tế cũ, không thu hồi đất	Thửa đất số 28, tờ bản đồ 72	UBND xã Phước Bình
32	Giao đất khu TĐC thôn Tà Lọt, xã Phước Hòa	3,87	1,10						xã Phước Hòa	QĐ số 239/QĐ-UBND của UBND huyện Bác Ái ngày 19/2/2020 về việc phê duyệt quy hoạch phân lô chi tiết khu tái định cư thôn Tà Lọt, xã Phước Hòa	tờ 11, 12, 14, 15,…	UBND xã Phước Hòa
33	Giao đất công trình: Xây dựng Trung tâm văn hóa, thể thao xã Phước Thành	0,46							Xã Phước Thành	NQ số 58/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 09/12/2022 thu hồi đất năm 2023	Thửa 25, 28, 29, 21 tờ 21	UBND Xã Phước Thành
34	Giao đất ở (72 hộ) xã Phước Thắng	5,10	2,00						Xã Phước Thắng	Thông báo số 306/TB-UBND của UBND huyện Bác Ái ngày 12/9/2019 Đăng ký để thực hiện thủ tục đất đai	Tờ 23, 26, 28	UBND xã Phước Thắng
35	Chợ Phước Trung	0,30							xã Phước Trung	Đã san mặt bằng, không thu hồi đất, đăng ký để thực hiện xây dựng và thủ tục đất đai còn lại	tờ 49, thửa 42	UBND xã Phước Trung
36	Đất lâm nghiệp đưa ra ngoài lâm nghiệp giao về địa phương để lập kế hoạch sử dụng đất	1.346,25							Các xã	*Quyết định 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2025*		UBND xã
II. Các công trình, dự án chưa thực hiện và chuyển tiếp sang năm 2025												
1	Cơ sở 2 Trạm KSGT 1/27	0,78		0,78				0,78	Xã Phước Thành	Vị trí sử dụng trước đây là cơ sở của Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Sắt, đăng ký để thực hiện thủ tục đất đai	Tờ 14, thửa 16	Công an tỉnh
2	Mở rộng công an huyện Bác Ái	0,50		0,50				0,50	Phước Đại	Công văn số 1093/CAH-TH ngày 22/8/2023 của Công an huyện Bác Ái	thửa 28,30,39... tờ 39	Công an tỉnh
3	Đất quốc phòng	9,86		9,86				9,86	Phước Trung	Báo cáo số 667/BC-BCH của BCH quân sự huyện Bác Ái ngày 20/9/2021	thửa 9,12,17...tờ 41; khoanh đất 431	Ban CHQS huyện Bác Ái
4	Đất quốc phòng	5,25		5,25				5,25	Phước Thành	Báo cáo số 667/BC-BCH của BCH quân sự huyện Bác Ái ngày 20/9/2022	Tờ 27 thửa 79, 162, 163, 214, 255, 183, 54 và vùng chưa đo.	Ban CHQS huyện Bác Ái
5	Đất quốc phòng	5,25		5,25				5,25	Phước Tân	Báo cáo số 667/BC-BCH của BCH quân sự huyện Bác Ái ngày 20/9/2023	khoanh đất kiểm kê số 262, 406, 662	Ban CHQS huyện Bác Ái
6	Đất quốc phòng	2,00		2,00				2,00	Phước Bình	Báo cáo số 667/BC-BCH của BCH quân sự huyện Bác Ái ngày 20/9/2024	Tờ 18 thửa 12, 13, 8; Tờ 25 thửa 3	Ban CHQS huyện Bác Ái

Phụ biểu 03

Danh mục các công trình trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 02 năm liên tục chưa thực hiện theo khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai số 31/2024/QH15

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm (thu hồi đất, CMĐ SD đất)					Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ đầu tư
				Diện tích (ha)	*Chuyển từ các loại đất*							
					LUA	*RDD*	*RPH*	*Đất khác*				
7	Nhà máy thủy điện Phước Hòa	63,15		63,15			0,82	62,33	Xã Phước Hòa, Phước Bình	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024 Công văn số 247/2023/CV/ĐT-TC ngày 26/9/2023 của công ty TNHH TM và XD Trung Chính v/v đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê số 1071, 1072, 1107…	Công ty TNHH TM và XD Trung Chính
8	Nghĩa trang xã Phước Đại	5,00		5,00				5,00	xã Phước Đại	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê 1118	Kêu gọi đầu tư
9	Nhà máy sản xuất gạch tuynel Bác Ái	15,40		15,40				15,40	xã Phước Thành	Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận v/v quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc chấp thuận điều chỉnh (lần 2) chủ trương đầu tư dự án "Nhà máy sản xuất gạch tuynel Bắc Ái". Văn bản số 06/TTr-XDBA ngày 18/9/2024 của Công ty CP xây dựng Bắc Ái về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung nhu cầu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025	Tờ 21	Công ty cổ phần xây dựng Bắc Ái
10	Bến xe huyện Bác Ái	2,00		2,00				0,00	xã Phước Đại		tờ 15, thửa 100, tờ 16, thửa 183, 189, 193, 195	Kêu gọi đầu tư
11	Đấu giá quyền sử dụng đất ở lô số 57 KDC mã Tiền	0,05		0,05				0,05	xã Phước Tiến	CV số 582/CV-UBND của UBND huyện Bác Ái ngày 30/3/2021 v/v triển khai thực hiện thủ tục bán đấu giá QSDĐ lô số 57 thôn Mã Tiền	thửa 41 tờ 94	TT PTQĐ huyện
12	Cho thuê đất bãi vật liệu cũ lòng hồ Tân Mỹ làm đất nông nghiệp khác	1,58		1,58				1,58	xã Phước Tiến	Đề án giải pháp tăng thu từ nguồn lực đất đai trên địa bàn huyện Bác Ái giai đoạn 2020-2025	khoanh đất kiểm kê số 1377	TT PTQĐ huyện
13	Giao đất nông nghiệp Phước Thắng (gồm 60 ha giao đất khai hoang theo công văn 3111/STNMT-ĐĐ và 33,67 ha nguồn gốc là đất hoán đổi của công ty Vila)	93,67							Xã Phước Thắng	Kết luận số 4483/KL - UBND ngày 20/9/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận về quản lý và sử dụng đất trên địa bàn Bác Ái CV số 3111/STNMT-ĐĐ ngày 28/6/2023 của Sở TNMT tỉnh Ninh Thuận Về việc xử lý kiến nghị của Ủy ban nhân dân huyện Bác Ái (gồm 03 dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023: Cho thuê đất sản xuất nông nghiệp 25 ha; giao đất SXNN 20 ha và giao đất NN Phước Thắng 33,67 ha)	khoanh đất kiểm kê số 85, 135, 173, 153, 86	UBND xã Phước Thắng
III. Các công trình, dự án chưa thực hiện và không chuyển tiếp sang năm 2025												
1	Khu dân cư nông thôn mới Mã Tiền 2 (giai đoạn 1) (tên quy hoạch: Khu dân cư dọc QL 27B thôn Mã Tiền 50 ha (gồm điểm dân cư Mã Tiền 1; điểm dân cư Mã Tiền 2; điểm dân cư Trà Co 1))	8,44		8,44				8,44	Phước Tiến	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	Tờ 63 thửa 25 đến thửa 33, 36, 37, 38, 6, 8, 9, 12, 15, 16, 18, 24; Tờ 64 thửa 1, 2, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 14, 16, 17, 18, 20, 33, 34, 35, 39, 40, 24.	Ban QLDA & ĐTXD huyện
2	Khu dân cư nông thôn mới đầu cầu Quảng Ninh thôn Mã Tiền (giai đoạn 1) (tên quy hoạch: Khu dân cư dọc QL 27B thôn Mã Tiền 50 ha (gồm điểm dân cư Mã Tiền 1; điểm dân cư Mã Tiền 2; điểm dân cư Trà Co 1))	6,10		6,10				6,10	Phước Tiến	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	Tờ 67 thửa 2, 3, 4, 5, 31, 46, 47, 3, 6, 13, 41, 32, 39, 37, 25, 53, 50, 14, 28, 35, 49, 12, 29, 44, 33, 30, 34, 45, Tờ 66 thửa 3, 7…..	Ban QLDA & ĐTXD huyện
3	Đường bao chống sạt lở khu vực thôn Bạc Rây 2, xã Phước Bình (Giai đoạn 2)	1,70		1,70				1,70	Xã Phước Bình	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	thửa 87, 90, 91 tờ 78, thửa 36 tờ 25…	Ban QLDA & ĐTXD huyện

Phụ biểu 03

Danh mục các công trình trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 02 năm liên tục chưa thực hiện theo khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai số 31/2024/QH15

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm (thu hồi đất, CMĐ SD đất)					Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ đầu tư
				Diện tích (ha)	*Chuyển từ các loại đất*							
					LUA	*RDD*	*RPH*	*Đất khác*				
4	Bưu điện văn hóa xã Phước Tân	0,03		0,03				0,03	Phước Tân	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê số 375	Bưu điện tỉnh Ninh Thuận
5	Xây dựng đường vào khu du lịch thác Chapot	0,30		0,30			0,30	0,00	Phước Bình	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê 533, 537…	Ban quản lý VQG Phước Bình
6	Xây dựng đường giao thông kết hợp tuần tra bảo vệ rừng vùng giáp ranh tỉnh Khánh Hòa	4,78		4,78		3,83	0,95	0,00	Phước Bình	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê 132, 537,…	Ban quản lý VQG Phước Bình
7	Mở rộng đường vào khu du lịch suối Gia Nhông	0,29		0,29				0,29	Phước Bình	NQ số 62/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 14/12/2023 thu hồi đất năm 2024	khoanh đất kiểm kê 1232	Ban quản lý VQG Phước Bình
8	Đập phụ 4 thuộc hệ thống thủy lợi Tân Mỹ	2,12		2,12				2,12	Xã Phước Tân	Đăng ký để hoàn thiện thủ tục đất đai	khoanh đất kiểm kê 237	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNN tỉnh
9	Trang trại Lộc Phát	36,19		36,19				36,19	Phước Thắng	Chuyển tiếp theo văn bản đăng ký nhu cầu số 08.9/CV-LP ngày 08/9/2023	tờ 11, 12	Công ty TNHH trang trại Lộc Phát
10	Trang trại Lộc Phát	26,70		26,70				26,70	Phước Thắng	Chuyển tiếp theo văn bản đăng ký nhu cầu số 08.9/CV-LP ngày 08/9/2023	tờ 16	Công ty TNHH trang trại Lộc Phát
11	Bệnh viện đa khoa và viện dưỡng lão	2,22		2,22				2,22	xã Phước Bình		thửa 01 tờ 44,…	Kêu gọi đầu tư
12	Khai thác khoáng sét để sản xuất gạch ngói	13,00		13,00				13,00	xã Phước Chính	QĐ 318/QĐ-UBND (T) ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và văn bản số 4796/UBND-KTN ngày 02/2/2015 đồng ý chủ trương cấp phép thăm dò khai thác khoáng sản sét gạch ngói	khoanh đất kiểm kê số 57	Kêu gọi đầu tư
13	Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng	3,20		3,20				3,20	xã Phước Đại	Văn bản số 4288/UBND-KTTH ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận v/v dự án Xây dựng nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng	thửa 245 tờ 14	Kêu gọi đầu tư
14	Nhà máy đá xây dựng núi Tà Liên	2,23		2,23				2,23	xã Phước Đại	Văn bản số 549/UBND-KT v/v xác định nhu cầu VLXD phục vụ dự án tuyến đường bộ cao tốc qua tỉnh Ninh Thuận	khoanh đất kiểm kê 262	Kêu gọi đầu tư
15	Khai thác đá xây dựng núi Tà Liên	2,66		2,66				2,66	xã Phước Đại	Văn bản số 549/UBND-KT v/v xác định nhu cầu VLXD phục vụ dự án tuyến đường bộ cao tốc qua tỉnh Ninh Thuận	khoanh đất kiểm kê 262	Kêu gọi đầu tư
16	Khu du lịch sinh thái Suối Lạnh (thuê môi trường rừng)	96,91							xã Phước Đại	CV số 01/CV-DTĐ ngày 23/2/2022 của công ty Diệp Thành Đạt	khoanh đất kiểm kê 533	Kêu gọi đầu tư
17	Cửa hàng xăng dầu xã Phước Hòa	0,17		0,17				0,17	Xã Phước Hòa	Kêu gọi đầu tư	thửa 32 tờ 17	Kêu gọi đầu tư
18	Trang trại chăn nuôi bò thịt	15,29		15,29				15,29	Phước Tiến	Văn bản số 943/UBND-KT ngày 13/5/2022 của UBND huyện Bác Ái v/v kiến nghị địa điểm đầu tư dự án	khoanh đất kiểm kê số 186	Kêu gọi đầu tư
19	Nhà máy chế biến tinh bột khoai mì	7,00		7,00				7,00	Phước Tiến	Văn bản số 943/UBND-KT ngày 13/5/2022 của UBND huyện Bác Ái v/v kiến nghị địa điểm đầu tư dự án	khoanh đất kiểm kê số 186	Kêu gọi đầu tư
20	Khai thác đất san lấp núi Ro	23,00		23,00				23,00	Phước Thắng		Tờ 7 thửa 51, 52; tờ 8 thửa 308	Kêu gọi đầu tư
21	Trang trại chăn nuôi heo khép kín công nghệ cao	13,67		13,67				13,67	Xã Phước Trung	Văn bản đăng ký nhu cầu số 01/VB-AN ngày 15/8/2023 của Công ty TNHH xây dựng An Nguyên đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024	thửa 8, 13 tờ 75	Kêu gọi đầu tư

Phụ biểu 03

Danh mục các công trình trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 02 năm liên tục chưa thực hiện theo khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai số 31/2024/QH15

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm (thu hồi đất, CMĐ SD đất)					Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ đầu tư
				Diện tích (ha)	*Chuyển từ các loại đất*							
					LUA	*RDD*	*RPH*	*Đất khác*				
22	Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo công nghệ khép kín kết hợp trồng cây có muí công nghệ tưới Israel Phước Tiến	113,20		113,20				113,20	Phước Tiến	Văn bản đăng ký nhu cầu kế hoạch năm 2024 số 01/CV-CNXNT ngày 09/9/2023 của Công ty CP Công nghệ xanh Ninh Thuận	khoanh đất kiểm kê số 351	Kêu gọi đầu tư
23	Cho thuê đất thương mại dịch vụ	1,70		1,70				1,70	Phước Đại		thửa 479 tờ 25	Kêu gọi đầu tư

Phụ biểu 04

DANH SÁCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN BÁC ÁI

STT	Họ tên cá nhân đăng ký	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích thửa đất (m^2)	Loại đất hiện trạng	Diện tích xin chuyển mục đích (m^2)	Loại đất xin chuyển MĐ
I. Xã Phước Thành							
1	Cá nhân đăng ký	91	9	7212	CLN	200	ONT
2	Cá nhân đăng ký	90	11	5302,9	HNK	600	ONT
3	Cá nhân đăng ký	74	9	9854,7	LUK	9854,7	CLN
4	Cá nhân đăng ký	88	40	1110,8	ONT+HNK	600	ONT
5	Cá nhân đăng ký	80	47	3605,6	CLN	600	ONT
6	Cá nhân đăng ký	65	42	450,8	HNK	200	ONT
7	Cá nhân đăng ký	114	3	16937,6	CLN	600	ONT
8	Cá nhân đăng ký	107	8	19851,3	CLN	600	ONT
9	Cá nhân đăng ký	108	8	12512,3	CLN	600	ONT
10	Cá nhân đăng ký	8	8	5361,1	CLN	600	ONT
11	Cá nhân đăng ký	138	45	497,8	HNK	497,8	ONT
12	Cá nhân đăng ký	143	45	449,4	HNK	200	ONT
13	Cá nhân đăng ký	94	9	8120,4	HNK	600	ONT
14	Cá nhân đăng ký	95	9	2141,9	HNK	600	ONT
15	Cá nhân đăng ký	110	8	11899,4	HNK	600	ONT
16	Cá nhân đăng ký	158	50	1256,7	HNK	400	ONT
17	Cá nhân đăng ký	122	49	487,9	HNK	300	ONT
18	Cá nhân đăng ký	104	49	1012,4	HNK	300	ONT
19	Cá nhân đăng ký	126	9	2993,9	HNK	600	ONT
20	Cá nhân đăng ký	125	9	3109,1	HNK	600	ONT
21	Cá nhân đăng ký	127	9	3403,2	HNK	600	ONT
22	Cá nhân đăng ký	93	9	1626,9	HNK	600	ONT
23	Cá nhân đăng ký	104	9	2094	HNK	600	ONT
24	Cá nhân đăng ký	98	50	1930,1	HNK	600	ONT
25	Cá nhân đăng ký	1	25	3064,8	HNK	400	ONT
26	Cá nhân đăng ký	67	49	1339,2	HNK	200	ONT
27	Cá nhân đăng ký	68	49	1157,1	HNK	200	ONT
28	Cá nhân đăng ký	15	48	11887,1	HNK	600	ONT
29	Cá nhân đăng ký	5	7	8344,5	CLN	200	ONT
30	Cá nhân đăng ký	44	48	425	LUK	425	HNK
31	Cá nhân đăng ký	45	48	410	LUK	410	HNK
32	Cá nhân đăng ký	61	40	998,7	HNK	600	ONT
33	Cá nhân đăng ký	84	40	300,9	HNK	300,9	ONT
34	Cá nhân đăng ký	140	21	9600	HNK	5000	TMD
35	Cá nhân đăng ký	98	9	2975,4	HNK	600	ONT
36	Cá nhân đăng ký	51	16	9961,1	HNK	600	ONT
37	Cá nhân đăng ký	119	8	6968,3	ONT+CLN	400	ONT
II. Xã Phước Bình							
1	Nguyễn Thị Thùy Trang	101	78	601,8	CLN	601,8	ONT
2	Nguyễn Ngọc Hà	161	77	1180,9	HNK	300	ONT
3	Nguyễn Ngọc Hà	27	41	13502,6	HNK	300	CLN
4	Nguyễn Ngọc Hà	159	77	776,4	HNK	776,4	ONT
5	Trần Quốc Nam	95	78	1146,8	CLN	200	ONT
6	Trần Quốc Nam	253	77	2542,2	CLN	200	ONT
7	Đinh Văn Linh	38	25	9041,1	CLN	200	ONT

Phụ biểu 04

DANH SÁCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN BÁC ÁI

STT	Họ tên cá nhân đăng ký	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích thửa đất (m^2)	Loại đất hiện trạng	Diện tích xin chuyển mục đích (m^2)	Loại đất xin chuyển MĐ
I. Xã Phước Thành							
III. Xã Phước Đại							
1	Ka tơr Chiêng	290	31	1263	LUK	300	ONT
2	Ka tơr Quảng	291	31	1180	LUK	300	ONT
3	Nguyễn Văn Hạnh	375	17	3139	BHK	300	CLN
4	Phạm Thị Hồng Phụng	786	25	1596	HNK	400	ONT
IV. Xã Phước Tiến							
1	Lê Thị Minh	103	80	510,7	ONT+CLN	310,8	ONT
2	Trương Bình Phương	14	59	4493	HNK	600	ONT
3	Đỗ Thị Đa Nguyên	512	54	11336,5	CLN	600	ONT
4	Đỗ Thị Thảo	65	87	314	HNK	314	ONT
5	Diệp Năng Toàn	21	91	994,1	CLN	600	ONT
6	Trần Thị Hoàng	18	91	586	CLN	600	ONT
7	Trịnh Xuân Trường	56	83	346	HNK	346	ONT
8	Lê Thị Kiều Hạnh	16	83	403	HNK	100	ONT
9	Lương Thiên Hoài Bảo	55	20	4768,2	HNK	4768,2	TMD
10	Lê Thị Diễm	90	80	345,7	CLN	150	ONT
11	Trương Thị Vân	67	67	16083,7	HNK	600	ONT

Phụ biểu 05

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN BÁC ÁI

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính								
				Xã Phước Bình	Xã Phước Tiến	Xã Phước Chính	Xã Phước Hòa	Xã Phước Tân	Xã Phước Thắng	Xã Phước Thành	Xã Phước Đại	Xã Phước Trung
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
I	**Tổng diện tích đất thu hồi đất (1+2+3)**		**112,82**	**21,91**	**43,67**	**1,50**	**3,39**	**1,49**	**0,14**	**5,95**	**4,63**	**30,14**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**108,38**	**21,84**	**43,45**	**1,40**	**3,32**	**1,49**		**3,24**	**3,50**	**30,14**
	Trong đó:											
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1,54							0,02	0,10	1,42
1.2	Đất chuyên trồng lúa	LUC	0,34								0,10	0,24
1.3	Đất trồng lúa còn lại	LUK	1,20							0,02		1,18
1.4	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	63,46	21,64	2,55	1,40	2,50	1,49		3,07	2,09	28,72
1.5	Đất trồng cây lâu năm	CLN	40,85	0,20	40,50					0,15		
1.6	Đất rừng phòng hộ	RPH	2,13				0,82				1,31	
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX	0,40		0,40							
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**4,44**	0,07	0,22	0,10	0,07		0,14	2,71	1,13	
	Trong đó:											
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,29			0,05				1,76	0,48	
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,60							0,95	0,65	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0,50	0,07	0,22		0,07		0,14			
	Trong đó:											
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,07				0,07					
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,07	0,07								
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,36		0,22				0,14			
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	0,05			0,05						
	Trong đó:											